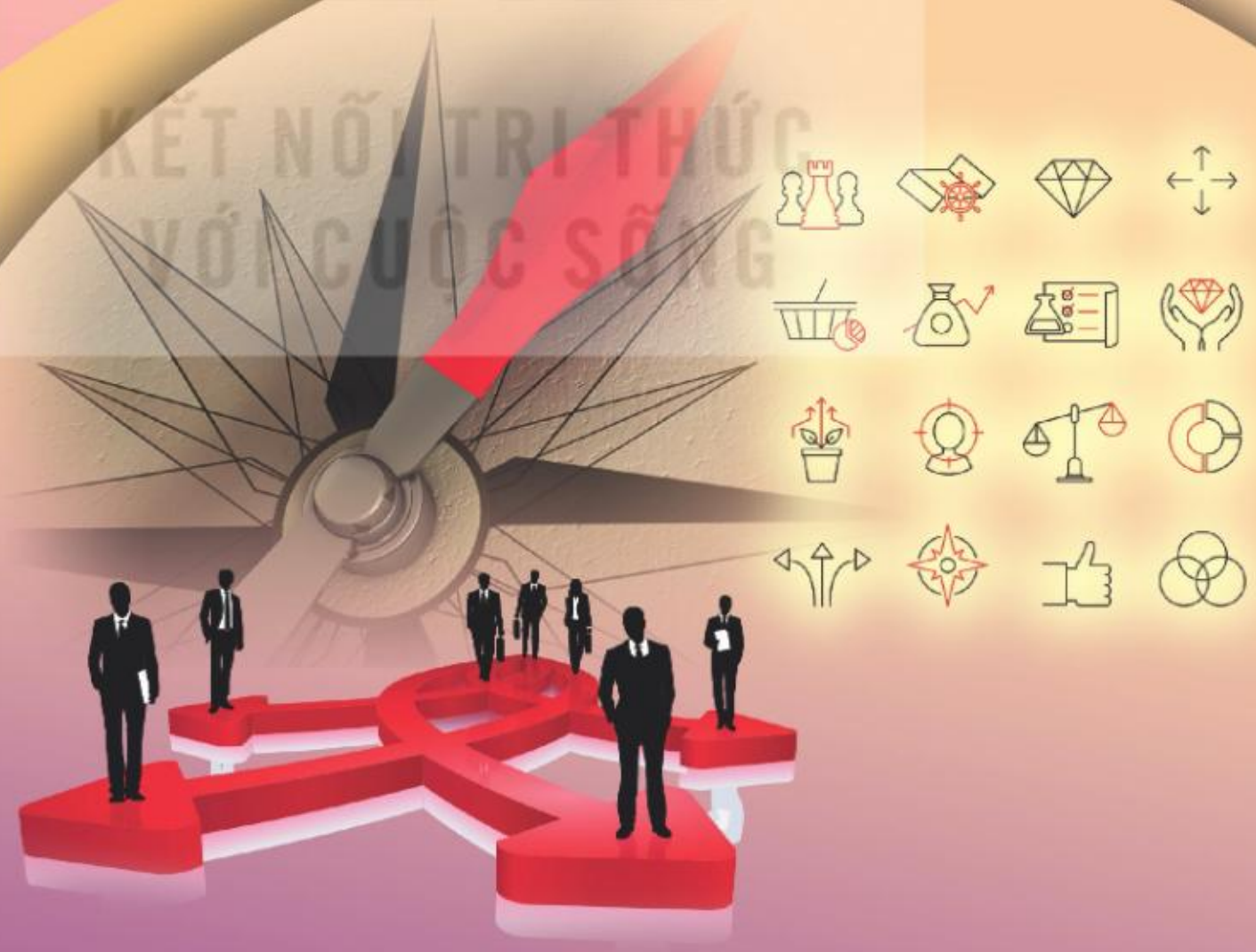
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CÔNG NGHỆ 9

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ HUY HOÀNG (Tổng Chủ biên)
PHẠM MẠNH HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN XUÂN AN – NGUYỄN THỊ BÍCH THUỶ – VŨ CẨM TÚ

CÔNG NGHỆ 9

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp là tài liệu tham khảo cho việc soạn giáo án của các thầy, cô giáo dạy môn *Công nghệ – Định hướng nghề nghiệp*. Sách được biên soạn tiếp nối mạch nội dung theo sách giáo khoa Công nghệ 6, 7, 8 trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thuộc bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Sách giáo viên Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp giới thiệu và hướng dẫn giáo viên triển khai các phương án dạy các bài học trong sách giáo khoa *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* với các nội dung sau: Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ; Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam; Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp; Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Các hoạt động và học liệu trong sách giáo khoa được thiết kế phù hợp với học sinh theo hướng tổ chức các hoạt động học tập mang tính khám phá và thực hành với những nội dung thiết thực, gần gũi với đời sống và học tập, hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh ở cấp Trung học cơ sở, giúp học sinh có kiến thức vững vàng chuẩn bị cho phân luồng sau khi kết thúc cấp Trung học cơ sở.

Sách gồm hai phần:

Phần một. *Hướng dẫn chung*

Phần này giúp GV tìm hiểu:

– Những đặc điểm cơ bản của chương trình môn Công nghệ nói chung và môn *Công nghệ lớp 9 – Định hướng nghề nghiệp*: quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình, yêu cầu cần đạt về năng lực và phẩm chất của chương trình.

– Những đặc điểm cơ bản của sách giáo khoa *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp*: quan điểm biên soạn, cấu trúc nội dung và hình thức trình bày.

Phần hai. Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Phần này mở đầu bằng việc giới thiệu cấu trúc chung của một bài hướng dẫn dạy học với các mục sau đây:

I. Mục tiêu bài học

II. Phát triển phẩm chất và năng lực

III. Cấu trúc và đặc điểm nội dung

IV. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy, học

V. Gợi ý một số câu hỏi, bài tập kiểm tra/đánh giá

VI. Thông tin bổ sung

Các phương án trình bày trong các phần này chỉ là những gợi ý. Các thầy, cô giáo có thể tự do lựa chọn, điều chỉnh và sáng tạo các phương án riêng của mình sao cho phù hợp với năng lực, đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh và điều kiện dạy học ở lớp, trường, địa phương mình.

Mong rằng cuốn sách này sẽ góp phần giúp các thầy, cô giáo dạy tốt môn *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp*.

Các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và bạn đọc để sách được tốt hơn.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG 5

I. CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP 5

II. SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP 12

PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ 18

Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ 18

Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân 25

Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam 34

Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp 44

Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ 53

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT HƯỚNG DẪN CHUNG

I CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

1. Khái quát về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Công nghệ

Trong CTGDPT, giáo dục công nghệ được thực hiện từ lớp 3 đến lớp 12 thông qua môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học và môn Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông. Công nghệ là môn học bắt buộc trong giai đoạn giáo dục cơ bản; là môn học lựa chọn, thuộc nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Chương trình môn Công nghệ hình thành, phát triển ở HS năng lực công nghệ và những phẩm chất đặc thù trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường, xã hội và lựa chọn ngành nghề thuộc các lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; đồng thời cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung; thực hiện các nội dung xuyên chương trình như phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tài chính.

Bên cạnh mục tiêu tổng quát nêu trên, giáo dục công nghệ phổ thông hướng tới: 1) thúc đẩy giáo dục STEM, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy thiết kế; 2) định hướng nghề nghiệp cho HS phổ thông, đặc biệt là hướng nghiệp và phân luồng trong lĩnh vực ngành nghề về kĩ thuật, công nghệ; và 3) trang bị cho HS tri thức, năng lực nền tảng để tiếp tục theo học các ngành kĩ thuật, công nghệ.

Môn Công nghệ xoay quanh bốn mạch nội dung chính gồm: công nghệ và đời sống; lĩnh vực sản xuất chủ yếu; thiết kế và đổi mới công nghệ; và công nghệ và hướng nghiệp. Nội dung giáo dục công nghệ phổ thông rộng, đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ khác nhau. Trong Chương trình môn Công nghệ, có những nội dung cơ bản, cốt lõi, phổ thông tất cả HS đều phải học. Bên cạnh đó, có những nội dung có tính đặc thù, chuyên biệt nhằm đáp ứng nguyện vọng, sở thích của HS, phù hợp với yêu cầu của từng địa phương, vùng miền.

Chương trình môn Công nghệ, bên cạnh kế thừa nhiều ưu điểm của chương trình hiện hành, có một số thay đổi phù hợp với định hướng đổi mới của CTGDPT 2018, với đặc điểm, vai trò và xu thế của giáo dục công nghệ. Đó là:

– *Phát triển năng lực, phẩm chất:* Chương trình môn Công nghệ có đầy đủ đặc điểm của chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho HS. Đây là thay đổi

bao trùm, có tính chất chi phối tổng thể tới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá của môn học. Chương trình môn Công nghệ hướng tới hình thành và phát triển năng lực công nghệ; góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể.

– *Thúc đẩy giáo dục STEM:* Chương trình môn Công nghệ gắn với thực tiễn, hướng tới thực hiện mục tiêu "học công nghệ để học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ tại gia đình, nhà trường, cộng đồng"; thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua việc bố trí nội dung thiết kế kĩ thuật ở cả cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông; định hướng giáo dục STEM, lĩnh vực giáo dục đang rất được quan tâm trong CTGDPT 2018.

– *Tích hợp giáo dục hướng nghiệp:* Chương trình môn Công nghệ thể hiện rõ ràng, đầy đủ vai trò giáo dục hướng nghiệp trong dạy học công nghệ. Sự đa dạng về lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong nội dung môn Công nghệ cũng mang lại ưu thế của môn học trong việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong môn học thông qua các chủ đề về lựa chọn nghề nghiệp; các nội dung giới thiệu về ngành nghề chủ yếu thuộc các lĩnh vực sản xuất môn Công nghệ đề cập; các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp qua các mô đun kĩ thuật, công nghệ tự chọn. Nội dung giáo dục hướng nghiệp được đề cập ở các lớp cuối của giai đoạn giáo dục cơ bản và toàn bộ giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Ở lớp 9, giáo dục hướng nghiệp được thể hiện qua các yêu cầu cần đạt về hướng nghiệp và các mô đun trải nghiệm nghề nghiệp.

– *Tiếp cận nghề nghiệp:* Ở cấp Trung học phổ thông, chương trình môn Công nghệ chuẩn bị cho HS lựa chọn nghề nghiệp về kĩ thuật, công nghệ. Tư tưởng của giáo dục công nghệ ở cấp học này hoàn toàn mới so với chương trình hiện hành. Trong giai đoạn này, nội dung dạy học cho cả hai định hướng công nghiệp và nông nghiệp đều mang tính đại cương, nguyên lí, cơ bản, cốt lõi và nền tảng cho mỗi lĩnh vực, giúp HS tự tin và thành công khi lựa chọn ngành nghề kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc Trung học phổ thông.

Ngoài ra, môn Công nghệ trong CTGDPT mới đảm bảo tinh giản nội dung, phản ánh được tinh thần đổi mới và cập nhật về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Những đổi mới nêu trên cũng góp phần thực hiện tư tưởng chủ đạo của môn Công nghệ là nhẹ nhàng – hấp dẫn – thiết thực.

2. Mục tiêu và đặc điểm của Chương trình giáo dục môn Công nghệ 2018 ở cấp Trung học cơ sở

a) Mục tiêu cấp Trung học cơ sở

Chương trình môn Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở tiếp tục phát triển năng lực công nghệ mà HS đã tích luỹ được ở cấp Tiểu học. Kết thúc bậc Trung học cơ sở, HS đọc được thông số kĩ thuật, nhận biết và sử dụng đúng cách một số sản phẩm công nghệ trong gia đình; trao đổi được thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ thông qua lập và đọc bản vẽ kĩ thuật đơn giản; đánh giá và thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản; có hiểu biết về

những nguyên lí cơ bản, những kĩ năng ban đầu trong các lĩnh vực nông – lâm nghiệp, thuỷ sản và công nghiệp; có tri thức và trải nghiệm về lựa chọn nghề trong lĩnh vực công nghệ, góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau trung học cơ sở; phát huy hứng thú học tập; rèn luyện được tính cẩn thận, kiên trì trong các hoạt động kĩ thuật, công nghệ.

b) Đặc điểm

– Tiếp nối chương trình môn Công nghệ cấp Tiểu học, chương trình môn Công nghệ cấp Trung học cơ sở được xây dựng trên quan điểm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực chung cốt lõi và đặc biệt chú ý phát triển năng lực công nghệ gồm nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ, thiết kế kĩ thuật với yêu cầu cần đạt phù hợp với lứa tuổi HS Trung học cơ sở.

– Các mạch nội dung được thiết kế tường minh, cụ thể với định hướng giúp HS vận dụng được ngay vào đời sống, sản xuất và thể hiện rõ nét, hấp dẫn nội dung giáo dục STEM theo các mạch nội dung chủ yếu gồm Vẽ kĩ thuật, Cơ khí, An toàn điện, Kĩ thuật điện và Thiết kế kĩ thuật.

– Có mối liên hệ chặt chẽ về kiến thức và kĩ năng với các môn học khác ở cấp Trung học cơ sở như Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học. Các dự án học tập phù hợp với định hướng phát triển năng lực một cách toàn diện cho HS.

– Nội dung các chủ đề/bài học được thiết kế thể hiện tính đặc thù của công nghệ theo phương châm nhẹ nhàng – hấp dẫn – thiết thực.

3. Phát triển phẩm chất, năng lực trong dạy học Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở

a) Đặc điểm dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Khác với dạy học định hướng nội dung, dạy học phát triển năng lực, phẩm chất cho HS quan tâm trước hết tới việc xác định và mô tả yêu cầu cần đạt về năng lực và phẩm chất người học cần đạt được. Trên cơ sở đó, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng thay đổi theo. Dạy học phát triển năng lực và phẩm chất cho người học có những đặc điểm sau:

(1) Hệ thống năng lực, phẩm chất được xác định một cách rõ ràng như là kết quả đầu ra của chương trình đào tạo. Dưới góc độ dạy học bộ môn, các năng lực cần hình thành và phát triển bao gồm các năng lực chung cốt lõi và năng lực đặc thù của môn học đó.

Trong chương trình, hệ thống năng lực được mô tả dưới dạng yêu cầu cần đạt cho thời điểm cuối mỗi cấp học.

(2) Nội dung dạy học cùng những yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng của từng mạch nội dung, chủ đề cần phản ánh được yêu cầu cần đạt về năng lực bộ môn. Nội dung dạy học trong chương trình định hướng phát triển năng lực có xu hướng tích hợp, gắn với thực tiễn, được cấu trúc thành các chủ đề trọn vẹn.

(3) Trong chương trình định hướng phát triển năng lực, phương pháp dạy học chú trọng vào hành động, trải nghiệm; tăng cường thí nghiệm và thực hành; đa dạng hoá các

hình thức dạy học, kết nối kiến thức học đường với thực tiễn đời sống; phát huy tối đa lợi thế trong vai trò hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực.

(4) Đánh giá trong chương trình định hướng phát triển năng lực được xác định là thành phần tích hợp ngay trong quá trình dạy học. Chú trọng đánh giá quá trình, đánh giá xác thực và dựa trên tiêu chí. Hoạt động đánh giá cần giúp cho người học nhận thức rõ mức độ đạt được so với yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng, năng lực. Trên cơ sở đó, có kế hoạch dạy học phù hợp với từng cá nhân.

(5) Mỗi bài học, hoạt động giáo dục đều góp phần hình thành và phát triển một, một số yêu cầu cần đạt của năng lực và phẩm chất. Vai trò này cần được thể hiện tường minh trong mục tiêu của bài học, hoạt động giáo dục. Khi đó, trong mỗi hoạt động dạy học phải thể hiện rõ vai trò của hoạt động góp phần phát triển yêu cầu cần đạt về năng lực, phẩm chất như thế nào.

(6) Năng lực, phẩm chất được hình thành và phát triển theo thời gian, đạt được từng cấp độ từ thấp đến cao. Để hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, cần nhận thức đầy đủ về năng lực, hành động và trải nghiệm có ý thức, nỗ lực và kiên trì trong các bối cảnh cụ thể đòi hỏi phải thể hiện (hay phản ánh) từng năng lực, phẩm chất, trong mỗi bài học, hoạt động giáo dục. Sự khác biệt về năng lực, phẩm chất chỉ có thể bộc lộ rõ ràng sau mỗi giai đoạn học tập nhất định.

b) Phát triển phẩm chất, năng lực trong dạy học Công nghệ

– Phát triển phẩm chất

Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác trong CTGDPT, môn Công nghệ có trách nhiệm và cơ hội hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu đã nêu trong CTGDPT tổng thể.

Với đặc thù môn học, giáo dục công nghệ có lợi thế giúp HS phát triển các phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm qua dạy học nội dung công nghệ liên quan tới môi trường công nghệ con người đang sống và những tác động của nó; qua các hoạt động thực hành, lao động và trải nghiệm nghề nghiệp; qua các nội dung đánh giá và dự báo phát triển của công nghệ.

Phẩm chất được hình thành và phát triển trong dạy học Công nghệ thông qua môi trường giáo dục ở nhà trường trong mối quan hệ chặt chẽ với gia đình và xã hội; các nội dung học tập có liên quan trực tiếp; các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Căn cứ yêu cầu cần đạt về phẩm chất đã được mô tả, mỗi bài học, ngoài các mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, năng lực cần đạt, cần chỉ rõ cơ hội góp phần phát triển ở người học các phẩm chất phù hợp.

– Phát triển năng lực chung cốt lõi

CTGDPT 2018 đưa ra 10 năng lực cốt lõi. Trong đó có 3 năng lực chung là tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các môn học, hoạt động giáo dục đều có trách nhiệm hình thành và phát triển năng lực này. Trong dạy học công nghệ, cơ hội và cách thức phát triển các năng lực chung cốt lõi được thể hiện cụ thể như sau:

+ Năng lực tự chủ và tự học

Trong giáo dục công nghệ, năng lực tự chủ của HS được biểu hiện thông qua sự tự tin và sử dụng hiệu quả các sản phẩm công nghệ trong gia đình, cộng đồng, trong học tập, công việc; bình tĩnh, xử lí có hiệu quả những sự cố kĩ thuật, công nghệ; ý thức và tránh được những tác hại (nếu có) do công nghệ mang lại,... Năng lực tự chủ được hình thành và phát triển ở HS thông qua các hoạt động thực hành, làm dự án, thiết kế và chế tạo các sản phẩm công nghệ, sử dụng và đánh giá các sản phẩm công nghệ, bảo đảm an toàn trong thế giới công nghệ ở gia đình, cộng đồng và trong học tập, lao động.

Để hình thành, phát triển năng lực tự học, GV coi trọng việc phát huy tính tích cực, tự lực, chủ động của HS, đồng thời quan tâm tới nguồn học liệu hỗ trợ tự học (đặc biệt là học liệu số), phương pháp, tiến trình tự học và đánh giá kết quả học tập của HS.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác

Năng lực giao tiếp và hợp tác được thể hiện qua giao tiếp công nghệ, một thành phần cốt lõi của năng lực công nghệ. Việc hình thành và phát triển ở HS năng lực này được thực hiện thông qua dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ, khuyến khích HS trao đổi, trình bày, chia sẻ ý tưởng,... khi thực hiện các dự án học tập và sử dụng, đánh giá các sản phẩm công nghệ được đề cập trong chương trình.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Giáo dục công nghệ có nhiều ưu thế trong hình thành và phát triển ở HS năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua các hoạt động tìm tòi, sáng tạo sản phẩm mới; giải quyết các vấn đề về kĩ thuật, công nghệ trong thực tiễn. Trong Chương trình môn Công nghệ, tư tưởng thiết kế được nhấn mạnh và xuyên suốt từ cấp Trung học cơ sở đến cấp Trung học phổ thông và được thực hiện thông qua các mạch nội dung, thực hành, trải nghiệm từ đơn giản đến phức tạp là điều kiện để hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Năng lực chung được hình thành và phát triển trong mỗi mạch nội dung, chủ đề học tập cụ thể. Tuỳ theo đặc điểm, tính chất của nội dung mà mỗi bài học sẽ góp phần phát triển năng lực, thành tố của năng lực, hay một số yêu cầu cần đạt cụ thể. GV cần nghiên cứu kĩ về năng lực chung để hiểu bản chất, cấu trúc, yêu cầu cần đạt cho từng cấp học. Từ đó, mới có cơ sở để xuất mục tiêu phát triển năng lực cho mỗi bài dạy.

– Phát triển năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ và các mạch nội dung của môn công nghệ là hai trục tư tưởng chủ đạo của môn học, có tác động hỗ trợ qua lại. Năng lực công nghệ sẽ góp phần định hướng lựa chọn mạch nội dung; ngược lại, mạch nội dung sẽ là chất liệu và môi trường góp phần hình thành phát triển năng lực, đồng thời cũng sẽ định hướng hoàn thiện mô hình năng lực công nghệ.

Năng lực công nghệ được hình thành và phát triển thông qua hoạt động dạy học trong mỗi mạch nội dung, mỗi chủ đề cụ thể. Trong mỗi bài học cụ thể cần tham chiếu đầy đủ tới mô hình năng lực công nghệ để xác định bài học đó sẽ định hướng phát triển các yêu cầu cần đạt nào trong mô hình năng lực.

Môn Công nghệ hình thành và phát triển ở HS năng lực công nghệ, bao gồm các thành phần: Nhận thức công nghệ, Giao tiếp công nghệ, Sử dụng công nghệ, Đánh giá công nghệ, Thiết kế kĩ thuật. Biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ ở cấp Trung học cơ sở được trình bày ở bảng dưới đây.

Nhận thức công nghệ [a2]	[a2.1]: Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó trong đời sống gia đình. [a2.2]: Nhận thức được nội dung cơ bản về vai trò, các quá trình kĩ thuật và công nghệ, các nghề nghiệp có liên quan của một số lĩnh vực sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế của Việt Nam như nông – lâm nghiệp, thuỷ sản, công nghiệp. [a2.3]: Nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. [a2.4]: Tóm tắt được các tri thức, kĩ năng cơ bản của một số quá trình kĩ thuật, công nghệ có tính nghề nghiệp phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.
Giao tiếp công nghệ [b2]	[b2.1]: Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng các hình biểu diễn cơ bản. [b2.2]: Đọc được các bản vẽ, kí hiệu, quy trình công nghệ thuộc một số lĩnh vực sản xuất chủ yếu.
Sử dụng công nghệ [c2]	[c2.1]: Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. [c2.2]: Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. [c2.3]: Phát hiện, đề xuất được giải pháp xử lí các tình huống mất an toàn cho người và sản phẩm công nghệ trong gia đình. [c2.4]: Thực hiện được một số thao tác sơ cứu đơn giản cho người trong những tình huống khẩn cấp. [c2.5]: Thực hiện được một số kĩ thuật đơn giản trong sản xuất nông – lâm nghiệp và thuỷ sản.
Đánh giá công nghệ [d2]	[d2.1]: Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ về chức năng, độ bền, tính thẩm mĩ, tính hiệu quả và an toàn khi sử dụng. [d2.2]: Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

Thiết kế kĩ thuật [e2]	[e2.1]: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể. [e2.2]: Đề xuất được giải pháp và tạo được sản phẩm công nghệ đơn giản dựa trên quy trình thiết kế kĩ thuật và kiến thức, kĩ năng về công nghệ.

4. Nội dung và yêu cầu cần đạt môn Công nghệ lớp 9 – Định hướng nghề nghiệp

Nội dung Định hướng nghề nghiệp được thiết kế cho HS có năng lực lựa chọn hướng đi và định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Trong nội dung này, HS nắm được khái niệm nghề nghiệp, hiểu được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, biết được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp. Hơn thế nữa, HS mô tả được hệ thống giáo dục Việt Nam, nắm được các thời điểm phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. HS được củng cố các kĩ năng sử dụng các thiết bị công nghệ để tìm kiếm các nguồn thông tin về thị trường lao động tại Việt Nam, đặc biệt là các thông tin về ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà các em quan tâm. Để có được các quyết định định hướng nghề nghiệp đúng đắn, HS được cung cấp các lí thuyết về hướng nghiệp, chọn nghề, nắm được các bước trong quy trình chọn nghề và quan trọng hơn cả, HS được tự mình đánh giá các phẩm chất, năng lực, sở thích, cá tính, điều kiện hoàn cảnh gia đình và xem xét chúng có đáp ứng được các yêu cầu của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ hay không.

Thông qua các hoạt động này, các em sẽ có dịp tìm hiểu khả năng, sở thích của bản thân có phù hợp với lĩnh vực nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ hay không, qua đó có những quyết định lựa chọn hướng đi phù hợp.

Nội dung và yêu cầu cần đạt của nội dung này trong CTGDPT 2018 môn Công nghệ ở cấp Trung học cơ sở được trình bày trong bảng dưới đây.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	– Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. – Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	– Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam. – Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. – Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	– Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. – Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. – Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.
Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	– Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. – Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. – Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. – Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

5. Dự kiến phân phối chương trình và kế hoạch dạy học môn Công nghệ lớp 9 – Định hướng nghề nghiệp

STT	Tên bài	Số tiết
1	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ	3
2	Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	2
3	Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	3
4	Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp	3
5	Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	3
6	Ôn tập, kiểm tra	3

II SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

1. Cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

a) Nội dung và cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

Sách được cấu trúc thành 5 bài học, thiết kế tương ứng với yêu cầu cần đạt của nội dung trong CTGDPT 2018.

Trong mỗi bài, có các nội dung nhằm trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng được thiết kế với các hoạt động gắn với thực tế việc định hướng và lựa chọn nghề nghiệp của HS cuối bậc Trung học cơ sở.

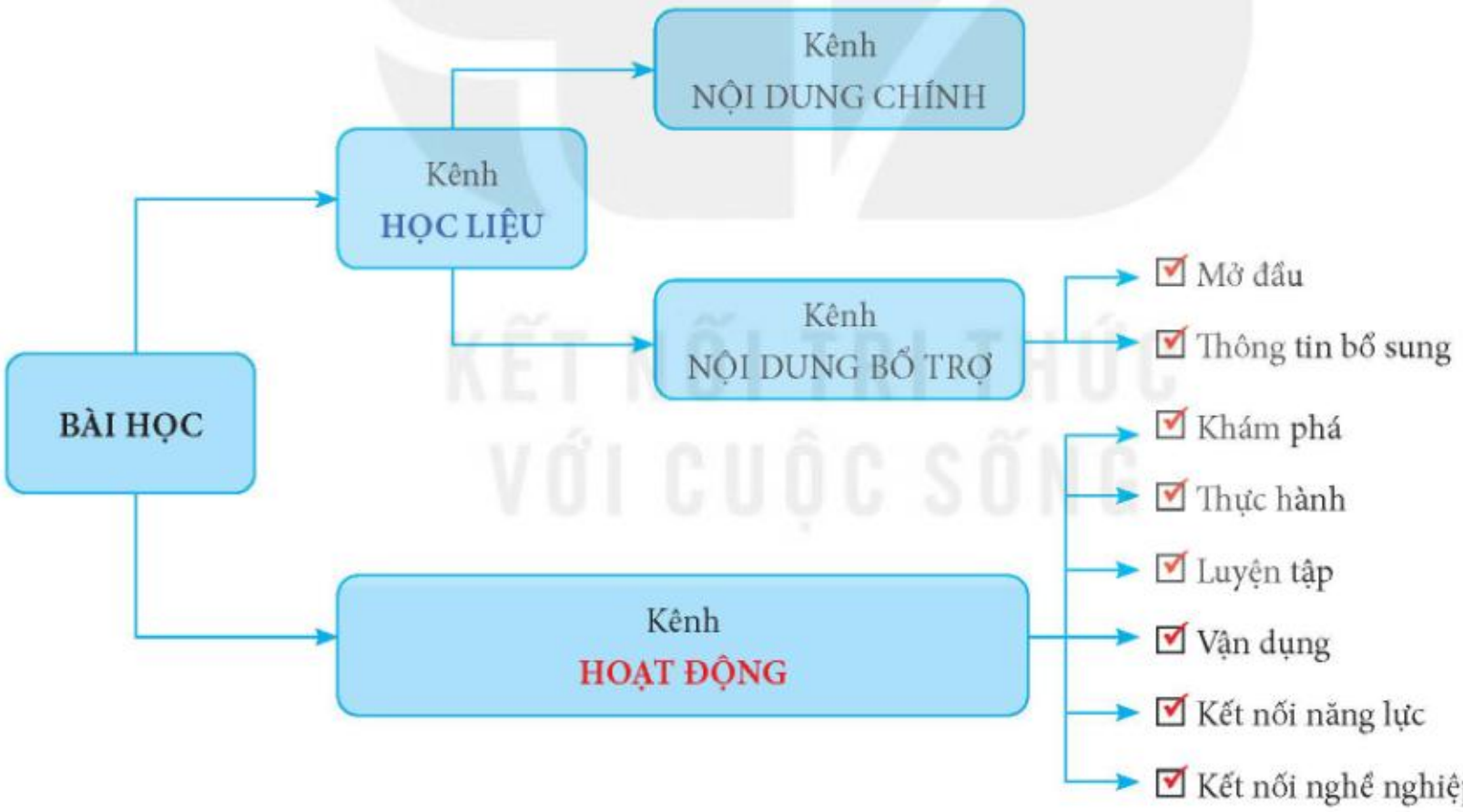
Mỗi bài học trong SGK là sự kết hợp hài hoà của kênh HỌC LIỆU và kênh HOẠT ĐỘNG. Kênh học liệu phản ánh nội dung của chủ đề bài học, được chia thành hai tuyến là tuyến Nội dung chính và tuyến Nội dung bổ trợ. Kênh hoạt động thể hiện tư tưởng sư phạm phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong bài học.

Phần đầu SGK là nội dung Hướng dẫn sử dụng sách, giúp HS hiểu được cấu trúc của mỗi bài học, ý nghĩa của các hoạt động trong bài học, ghi nhớ các biểu tượng quy ước được sử dụng trong bài học. Nhờ đó, việc học tập với SGK của HS sẽ dễ dàng và hiệu quả hơn.

Ở cuối SGK là bảng thuật ngữ, giải nghĩa toàn bộ các thuật ngữ chính đã được thể hiện trong từng bài học, giúp HS nhanh chóng tra cứu các từ khoá quan trọng trong SGK.

b) Nội dung và cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

Mỗi bài học trong *SGK Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp*, bên cạnh tuyến Nội dung chính trình bày các kiến thức cơ bản của bài học, các Hộp chức năng được sử dụng để thể hiện tuyến Nội dung bổ trợ và kênh Hoạt động của sách. Đây là một trong những đặc trưng của SGK Công nghệ.



Mỗi Hộp chức năng thể hiện một vai trò, ý nghĩa khác nhau, hướng tới mục tiêu bài học và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS. *SGK Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* gồm các Hộp chức năng sau đây:

Khám phá: Kiến tạo tri thức qua các hoạt động quan sát, phân tích và tổng hợp từ các học liệu trong SGK hay liên hệ, kết nối với thực tiễn ở cấp độ liên hệ, với trải nghiệm của bản thân trong đời sống.

Luyện tập: Giúp HS phát triển kĩ năng nhận thức, khắc sâu kiến thức bài học thông qua các hoạt động: trả lời các câu hỏi, thực hiện các bài tập liên quan tới kiến thức mới của bài học.

Thực hành: Hình thành và phát triển kĩ năng nhận thức hay vận động, khắc sâu kiến thức bài học. Hoạt động thực hành được tiến hành theo quy trình và dựa trên các dụng cụ, thiết bị cần thiết.

Vận dụng: Thực hiện một hay nhiều nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn liền với thực tiễn trên cơ sở huy động kiến thức, kĩ năng trong bài học. Hoạt động này hướng tới hình thành và phát triển năng lực đặc thù bài học thể hiện cũng như kết nối bài học với thực tiễn ở cấp độ hành động.

Kết nối năng lực: Hình thành và phát triển năng lực chung cốt lõi, năng lực thành phần của năng lực công nghệ mà bài học không thể hiện. Hộp Kết nối năng lực được thể hiện dưới hai dạng: 1) nội dung thông tin về năng lực; 2) nhiệm vụ học tập để phát triển năng lực.

Kết nối nghề nghiệp: Giới thiệu về tên nghề, đặc điểm của nghề, cơ hội việc làm của nghề, những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề. Hộp chức năng này giúp thực hiện tốt mục tiêu giáo dục hướng nghiệp trong môn Công nghệ trong CTGDPT 2018.

Điểm đặc biệt của SGK *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* là dành hẳn một bài số 5 để HS thực hành quy trình chọn nghề theo các bước đã được hướng dẫn, qua đó tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình và so sánh chúng với các yêu cầu của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, qua đó rút ra được kết luận bản thân có phù hợp hay không phù hợp với lĩnh vực này, qua đó lên kế hoạch để học tập, rèn luyện trong các bậc học cao hơn hoặc theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên. Bài 5 giúp thực hiện tốt mục tiêu giáo dục hướng nghiệp trong môn Công nghệ, một trong những giá trị mới của môn Công nghệ trong CTGDPT 2018.

Ngoài ra, hoạt động kết nối nghề nghiệp được thể hiện và thực hiện trong mỗi bài học qua các hoạt động trải nghiệm, trên cơ sở đó các em sẽ vận dụng kiến thức đã học về hướng nghiệp để trải nghiệm sở thích và khả năng của bản thân mình với nghề nghiệp liên quan của nội dung đó.

Thuật ngữ: Giải nghĩa thuật ngữ trong bài học. Hộp chức năng này không chỉ giải nghĩa mà còn làm nổi bật những từ khoá quan trọng trong mỗi bài học, giúp HS nắm vững các khái niệm của bài học và dễ dàng tóm tắt nội dung chính của bài học.

SGK *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* gồm các hộp chức năng dẫn nhập, bối cảnh, thuật ngữ được sử dụng để thể hiện tuyến Nội dung bổ trợ trong kênh học liệu. Các hộp chức năng còn lại gồm Khám phá, Thực hành, Vận dụng, Kết nối năng lực là những biểu hiện cụ thể của kênh Hoạt động trong bài học.

2. Hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa môn Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

a) Xác định mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học được các tác giả SGK xây dựng dựa trên cơ sở cụ thể hoá yêu cầu cần đạt trong chương trình, bao gồm mục tiêu kiến thức, kĩ năng và mục tiêu phát triển năng lực, phẩm chất.

Việc xác định mục tiêu phát triển năng lực không chỉ là việc nhắc tên năng lực, phẩm chất trong mục tiêu, mà cần chỉ ra những yêu cầu cần đạt của năng lực, phẩm chất (đã được mô tả trong chương trình) phù hợp với đặc điểm nội dung bài học.

Mỗi bài học sẽ được biên soạn dựa trên mục tiêu đã xác định, đảm bảo tính thống nhất giữa SGK và chương trình môn học.

Để việc sử dụng SGK được linh hoạt và sáng tạo, mục tiêu bài học không thể hiện ở SGK, mà được trình bày trong SGV như là một gợi ý khả thi về mục tiêu bài học.

Khi lập kế hoạch dạy học, GV có thể sử dụng nguyên mục tiêu bài học trình bày trong SGV hay có những điều chỉnh, bổ sung cần thiết phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS, với điều kiện của nhà trường, địa phương.

b) Phân tích cấu trúc và đặc điểm nội dung bài học

Nội dung dạy học phản ánh các tri thức về chủ đề dạy học. Trong dạy học phát triển năng lực, nội dung dạy học là chất liệu để tổ chức các hoạt động dạy học để đạt được mục tiêu bài học. Việc phân tích cấu trúc và đặc điểm nội dung bài học sẽ giúp thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp và hiệu quả.

Nội dung bài học trong SGK được cấu trúc thành các mục lớn, tương ứng với các mục tiêu của bài học. Mỗi mục lớn trong SGK sẽ là cơ sở để thiết kế một hay nhiều hoạt động học tập nhằm hình thành kiến thức mới trong mỗi bài học.

Đặc điểm nội dung trong SGK có thể được phân tích trên các phương diện: những kiến thức, kĩ năng, trải nghiệm mà HS đã có về nội dung bài học (đã được học, đã có trải nghiệm trong thực tiễn); nội dung bài học có liên quan tới các môn học khác, đặc biệt là giáo dục STEM (bao gồm các môn Toán và các môn khoa học); những cơ sở khoa học nào HS chưa được học ở những môn học có liên quan và phải công nhận trong bài học; mức độ phức tạp và trừu tượng của nội dung kiến thức so với trình độ nhận thức của HS; vai trò và tần suất sử dụng kiến thức, kĩ năng của bài học này trong các bài học tiếp theo,…

Làm rõ đặc điểm nội dung trong SGK như trên sẽ giúp lựa chọn và sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp và hiệu quả, phát huy tính tích cực, chủ động của HS, hướng tới đạt được các mục tiêu về phẩm chất và năng lực đã nêu trong mục tiêu bài học. Ví dụ, với những nội dung xa lạ và mới với HS, có thể phải diễn giải, minh hoạ để HS tiếp cận dễ dàng với kiến thức mới. Ngược lại, với những nội dung học tập gần gũi, có thể đàm thoại, khai thác những kinh nghiệm đã có của HS, hệ thống hoá và dẫn dắt tới kiến thức mới được đề cập trong bài học.

c) Thiết kế các hoạt động dạy học

– Hoạt động khởi động (hoạt động dẫn nhập)

Hoạt động khởi động là hoạt động học tập nhằm tạo tâm thế học tập, giúp HS nhận thức đầy đủ về vấn đề cần giải quyết và ý nghĩa của bài học, về mục tiêu bài học cần đạt được. Hoạt động khởi động cần tự nhiên và gắn với thực tiễn; khai thác được kinh nghiệm đã có của HS với bài học; nêu bật được vấn đề và ý nghĩa của bài học với cuộc sống, với HS; đảm bảo sự tham gia và chú ý của tất cả HS trong lớp.

Mỗi bài học trong SGK, hộp chức năng Dẫn nhập gồm một hình ảnh và một đoạn văn được sử dụng làm chất liệu cho thiết kế hoạt động này. GV có thể căn cứ vào các thông tin này để tổ chức hoạt động khởi động cho HS.

Bên cạnh đó, có thể tham khảo các hộp chức năng: Kết nối năng lực, Thông tin bổ sung làm cơ sở để thiết kế hoạt động khởi động, đảm bảo sự linh hoạt và sáng tạo khi sử dụng SGK. Hoạt động dẫn nhập của bài học có thể được thực hiện qua một số hình thức như: kể chuyện; đàm thoại; tổ chức trò chơi; đóng vai; tranh luận; biểu diễn thí nghiệm, thực hành,...

– Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động học tập này giúp HS chiếm lĩnh tri thức mới trong bài học. Nhiệm vụ học tập của HS trong hoạt động hình thành kiến thức mới có độ khó được thiết kế tương đương với cấp độ động từ được sử dụng trong mục tiêu tương ứng của bài học. Bên cạnh đó, hoạt động này cần được thiết kế đảm bảo sự chủ động, tự lực và tích cực của HS trong quá trình khám phá tri thức.

Gợi ý chính cho hoạt động hình thành kiến thức mới là các hộp chức năng Khám phá sử dụng trong mỗi bài học. Cùng với đó, có thể là những ý tưởng trong các hộp chức năng với kết nối phẩm chất, năng lực chung và năng lực công nghệ. Dựa vào các hộp chức năng nêu trên, hoạt động hình thành kiến thức mới sẽ được thiết kế một cách linh hoạt, đồng bộ với mục tiêu, nội dung bài học.

Ngoài ý tưởng sư phạm đã được thể hiện trong SGK, GV có thể lựa chọn nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau để thiết kế hoạt động hình thành kiến thức mới. Cụ thể, có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở; phương pháp dạy học trực quan; dạy học algorit; dạy học tìm tòi, khám phá; dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ,… cùng các kĩ thuật dạy học như KWL, công não, khăn trải bàn, các mảnh ghép,… có thể được sử dụng để thiết kế hoạt động học tập này.

– Hoạt động luyện tập

Luyện tập là hoạt động hình thành và phát triển kĩ năng nhận thức hay vận động, khắc sâu kiến thức bài học, hướng tới đạt được mục tiêu về kĩ năng và phát triển năng lực của bài học. Hoạt động này thường dựa trên nội dung kiến thức mới HS đã chiếm lĩnh được ở hoạt động trước. Trong hoạt động này, HS thường được quan sát để hiểu thao tác mẫu, luyện tập theo tiến trình và tự điều chỉnh trong quá trình luyện tập dưới sự giám sát, trợ giúp của GV, hướng tới mục tiêu bài học.

Với những hoạt động luyện tập phức tạp, GV có thể sử dụng phương pháp làm mẫu – quan sát và huấn luyện – luyện tập để thiết kế hoạt động thực hành theo cấu trúc bài thực hành ba giai đoạn gồm hướng dẫn ban đầu – hướng dẫn thường xuyên – hướng dẫn kết thúc.

– Hoạt động vận dụng

Hoạt động vận dụng là hoạt động kết nối bài học với thực tiễn ở cấp độ hành động. Hoạt động này được thực hiện ở trong và ngoài lớp học nhằm vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống, góp phần hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất đã nêu trong mục tiêu bài học. Nhiệm vụ thực hiện trong hoạt động này cần đủ thách thức, hấp dẫn HS; kết nối được bài học với thực tiễn.

Trong SGK *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp*, gợi ý cho hoạt động vận dụng được thể hiện qua hộp chức năng Vận dụng, thường được đặt ở cuối bài học. Dựa vào đó, kết hợp với các hộp chức năng kết nối năng lực, thiết kế hoạt động vận dụng với nhiệm vụ rõ ràng HS cần thực hiện và sản phẩm HS cần phải có, cùng những lưu ý về tiến trình thực hiện, những vấn đề về an toàn trong quá trình triển khai.

3. Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức dạy học môn Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

a) Mạch nội dung của sách giáo khoa Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

SGK *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* có nội dung được trình bày trọn vẹn, trong đó kiến thức và kĩ năng của các bài học được trình bày nối tiếp nhau rất chặt chẽ, mạch lạc phục vụ cho yêu cầu cần đạt. Sau khi học xong SGK, HS phải có khả năng tự mình tìm hiểu sâu về thế giới nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, tự mình tìm kiếm và chọn lọc các thông tin về thị trường lao động nói chung và thị trường lao động của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ nói riêng, tự đánh giá và tìm ra sự phù hợp của bản thân đối với nghề nghiệp để từ đó có căn cứ khoa học trong định hướng nghề nghiệp của mình sau tốt nghiệp Trung học cơ sở. Trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình học tập.

b) Hoạt động luyện tập, vận dụng

SGK *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* chú ý tổ chức các hoạt động luyện tập, vận dụng sau hoạt động khám phá. GV lưu ý các hoạt động này cần được tổ chức chặt chẽ, hợp lí với trang thiết bị, tư liệu, tài liệu đã có, dễ kiếm. Khuyến khích HS sử dụng các thiết bị công nghệ để tìm kiếm, chọn lọc, nghiên cứu các tài liệu trên mạng internet.

Chú ý: Trong một số nội dung học tập cụ thể hay hoạt động vận dụng có thể được thiết kế dưới dạng một dự án học tập như Bài 5. Dự án: Đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Khi đó, các hoạt động học tập sẽ được triển khai theo tiến trình của phương pháp dạy học theo dự án, một phương pháp dạy học hiệu quả trong dạy học công nghệ phổ thông.

PHẦN HAI HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

BÀI 1. NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

I MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

a) Năng lực công nghệ:

Năng lực nhận thức công nghệ:

– Trình bày được khái niệm về nghề nghiệp.

– Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội.

– Trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng nghề nghiệp của mỗi người.

– Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Năng lực chung

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm tòi, khám phá thêm về các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phẩm chất

Có trách nhiệm tìm hiểu các nội dung bài học và các tài liệu liên quan. Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về yêu cầu, đặc điểm của các ngành nghề vào việc tìm hiểu các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân.

II CẤU TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG

Bài học được xây dựng với 2 mạch nội dung chính:

Nội dung 1. Khái quát nghề nghiệp

Nội dung 2. Đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

Ngoài nội dung chính gồm kênh hình và chữ, trong SGK bài học này còn sử dụng các hộp chức năng để định hướng tư tưởng sư phạm cho GV khi tổ chức các hoạt động học tập nhằm hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất đã được nêu trong mục tiêu của bài học cho HS. Cụ thể như sau:

Hoạt động khởi động (trang 5 SGK): Hình ảnh về một số nghề nghiệp trong xã hội (Hình 1.1 SGK) cùng câu hỏi dẫn nhập có thể gợi ý triển khai hoạt động khởi động cho bài học.

Các hộp chức năng Khám phá: Qua hoạt động đọc SGK, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 5 SGK) để tìm hiểu khái quát về những đặc điểm của nghề nghiệp nói chung và đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (trang 7 SGK).

Các hộp chức năng Luyện tập giúp HS củng cố kiến thức đã học và vận dụng kiến thức để chỉ ra ý nghĩa của việc chọn đúng nghề, phân tích và chỉ ra được những đặc điểm và yêu cầu chung của nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ đối với người lao động.

Hộp chức năng Kết nối năng lực giúp HS hình thành và phát triển năng lực tìm kiếm các thông tin, phân tích và mô tả được những đặc điểm chung các nghề thuộc nhóm ngành, nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (trang 7, 9 SGK).

Hộp chức năng Kết nối nghề nghiệp giới thiệu đến HS Nghề lập trình viên – một nghề tiêu biểu thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (trang 9 SGK).

Bên cạnh đó là nội dung bổ trợ thông qua hộp chức năng Thông tin bổ sung (trang 7 SGK) giúp HS có thể phân biệt khái niệm nghề nghiệp và việc làm.

III THIẾT BỊ DẠY HỌC

Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, Hình 1.1 SGK phóng to.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu quan sát Hình 1.1 SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời và ghi chép của HS về vai trò của nghề nghiệp trong cuộc sống con người.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.1 thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

– GV dẫn dắt HS vào bài mới: Quan sát Hình 1.1, ta thấy có rất nhiều ngành nghề và việc làm khác nhau trong xã hội, mỗi nghề có tính chất và công việc khác nhau, mỗi nghề đều có một ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với cá nhân mà còn đối với sự phát triển xã hội. Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về một số nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ, một lĩnh vực chiếm vị trí quan trọng trong xã hội.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Hoạt động tìm hiểu khái niệm nghề nghiệp và tầm quan trọng của nghề nghiệp

a) Mục tiêu

HS trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK (trang 5, 6 SGK), thảo luận, trả lời câu hỏi theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS nắm được khái niệm về nghề nghiệp, mô tả được các thành phần cấu thành nên nghề nghiệp, chỉ ra được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với bản thân và xã hội.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia lớp thành 04 nhóm. Sau đó, GV định hướng các đội thảo luận theo yêu cầu trong hộp chức năng Khám phá (trang 5 SGK) và đọc học liệu (trang 5, 6 SGK). Các nhóm được yêu cầu trình bày phần thảo luận của mình về khái niệm nghề nghiệp và tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội lên khổ giấy A0. Sau khi làm việc nhóm, mỗi nhóm sẽ cử đại diện trình bày phần thảo luận nhóm.

– HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu trên của GV.

– GV quan sát và có thể hỗ trợ các nhóm khi cần thiết trong quá trình thảo luận.

– Sau đó, GV tổ chức thảo luận, đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm, HS các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.

– GV nhận xét và đánh giá phần trình bày của các nhóm với nội dung sau: khái niệm nhóm đưa ra đã chính xác hay chưa; có chỉ ra được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội hay không; nhận xét về khả năng trình bày, phần nhận xét và hỏi đáp giữa các nhóm. Sau đó, GV đưa ra nội dung bài học theo như trong hộp chức năng Khám phá (trang 5 SGK).

3. Hoạt động tìm hiểu về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp của mỗi người

a) Mục tiêu

HS trình bày ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp của mỗi người và lấy được ví dụ minh hoạ.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 6 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp và đưa ra những ví dụ thực tế minh hoạ.

d)) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động trong hộp chức năng Luyện tập để củng cố khái niệm, trình bày được tầm quan trọng của một số nghề nghiệp cụ thể đối với cá nhân và cộng đồng.

– HS đọc thông tin, trả lời câu hỏi.

Gợi ý trả lời:

– GV chia nhóm HS, yêu cầu HS đọc SGK, xác định ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp để hoàn thành bảng dưới đây.

Khía cạnh	Ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp
Đối với con người	
Đối với gia đình	
Đối với xã hội	

– HS đọc SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng.

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện 2 đến 3 HS trình bày tại chỗ, HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý câu trả lời:

Khía cạnh	Ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp
Đối với con người	– Tạo ra sự say mê, hứng thú với công việc. – Phát huy được khả năng, tố chất của cá nhân trong nghề nghiệp. – Tăng hiệu quả làm việc.
Đối với gia đình	– Nhanh chóng có việc làm, tạo thu nhập gánh vác một phần chi phí gia đình. – Là cơ hội để xây dựng kế hoạch gia đình tương lai.
Đối với xã hội	– Tránh lãng phí nguồn lực, đào tạo đổi nghề trong quá trình học tập, làm việc. – Giúp phân bổ nguồn lực đồng đều trong các lĩnh vực. – Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp.

– HS lấy ví dụ những người thành công khi được làm những công việc mình đam mê, yêu thích, họ sẽ cống hiến hết khả năng, qua đó tạo ra sự thành công cả về tài chính lẫn địa vị xã hội. Kết quả lao động mang lại ý nghĩa xã hội to lớn, qua đó góp phần phát triển xã hội, đem lại niềm tự hào cho bản thân và gia đình.

– GV yêu cầu HS đọc nội dung trong hộp Thông tin bổ sung để giúp HS phân biệt nghề nghiệp và việc làm.

– HS đọc phần Thông tin bổ sung (trang 7 SGK).

– GV yêu cầu HS chỉ ra được sự giống và khác nhau giữa nghề nghiệp và việc làm, đưa ra các ví dụ cụ thể.

– GV gọi 2 đến 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe và góp ý bổ sung.

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động trong hộp chức năng Kết nối năng lực (trang 7 SGK) để tìm hiểu về một nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà HS biết.

– GV gọi một vài HS khác trả lời câu hỏi. Các HS còn lại lắng nghe và bổ sung ý kiến.

– HS nêu được tên của một nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, mô tả được nhiệm vụ, môi trường làm việc, quá trình đào tạo và thu nhập của nghề nghiệp đó.

Gợi ý trả lời:

Lĩnh vực kĩ thuật: Kĩ sư hàng không vũ trụ, kĩ sư vật liệu, kĩ sư cơ điện, kĩ sư thiết kế điện và điện tử,…

Lĩnh vực công nghệ: Lập trình viên, chuyên viên phân tích bảo mật dữ liệu,…

– GV tổng kết và nhận xét phần trả lời của các HS.

4. Hoạt động tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu chung của một số nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

HS trình bày được đặc điểm, yêu cầu của một số nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS trình bày được một số đặc điểm, yêu cầu của một số nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia nhóm HS, yêu cầu HS thảo luận về câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 7 SGK) rồi đọc SGK, tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu của một số nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá và hoàn thành bảng dưới đây.

Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật:.....	
1. Đặc điểm của ngành nghề	
– Sản phẩm lao động	
– Đối tượng lao động	
– Môi trường làm việc	

Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật:.....	
2. Yêu cầu chung của các ngành nghề	
– Năng lực	
– Phẩm chất	

– HS đọc SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng.

GV tổ chức thảo luận, sau đó mời HS trình bày (khoảng 2 – 3 HS), HS khác nhận xét, góp ý.

GV nhận xét và kết luận.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS xác định chính xác những đặc điểm, yêu cầu của 3 nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 9 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về các thông tin liên quan đến đặc điểm và yêu cầu chung của 3 nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi hộp chức năng Luyện tập (trang 9 SGK).

HS đọc yêu cầu trong hộp chức năng Luyện tập (trang 9 SGK) và làm bài vào vở.

– Sau đó, GV gọi 2 đến 3 HS đưa ra câu trả lời (mỗi HS chỉ ra đặc điểm và yêu cầu chung của một nghề trong số ba nghề đã làm).

– Các HS khác lắng nghe và bổ sung khi cần thiết.

– GV tổng hợp các câu trả lời của HS, đưa ra giải thích cho mỗi câu trả lời của HS.

Gợi ý trả lời:

Đặc điểm chung: HS sử dụng dữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

Sản phẩm lao động: Trực tiếp tạo ra các sản phẩm cơ khí, kĩ thuật, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

Đối tượng lao động: Vận dụng các nguyên lí vật lí, kĩ thuật, khoa học công nghệ vào quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo những ứng dụng, phần mềm, những thiết bị máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ cho ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong cuộc sống.

Môi trường làm việc:

– Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thử thách;

– Đối với lĩnh vực kĩ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao;

– Tiếp xúc nhiều với các thiết bị, công nghệ hiện đại, áp lực công việc lớn.

– GV đọc nội dung trong hộp chức năng Kết nối năng lực. Yêu cầu HS về nhà thực hiện và nộp lại kết quả vào buổi học sau.

– GV đọc nội dung trong hộp chức năng Kết nối nghề nghiệp (trang 9 SGK). Chia sẻ thêm thông tin về ngành này.

– HS lắng nghe và ghi các thông tin cần thiết vào vở.

Gợi ý một số thông tin về ngành khoa học dữ liệu:

Công việc của lập trình viên

– Phối hợp với các bộ phận khác để đưa ra ý tưởng cho các mẫu thiết kế phần mềm, ứng dụng mới.

– Xây dựng phần mềm, ứng dụng mới bằng các ngôn ngữ lập trình thích hợp.

– Phát triển và xây dựng các tính năng mới cho ứng dụng.

– Nâng cấp phần mềm và các hệ thống để đảm bảo tính bảo mật và hiệu quả hơn.

– Phối hợp với những người viết ra nội dung, kĩ thuật để viết các tài liệu hỗ trợ người dùng.

– Kiểm tra và bảo trì các chương trình, ứng dụng định kì, tiến hành sửa lỗi khi có vấn đề xảy ra.

Môi trường làm việc

– Môi trường làm việc năng động, nhiều cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.

– Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ.

Yêu cầu công việc

– Hiểu biết và vận dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình.

– Luôn học hỏi, cập nhật kiến thức, kĩ năng.

– Yêu thích khoa học máy tính và các thành tựu mới về công nghệ.

– Khả năng làm việc độc lập với cường độ cao, chịu được thử thách và áp lực công việc.

V GỢI Ý CÂU HỎI, BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Thế nào là nghề nghiệp, việc làm? Em hãy lấy ví dụ về nghề nghiệp, việc làm liên quan đến lĩnh vực công nghệ và kĩ thuật.

Câu 2. Em hãy cho biết ý nghĩa của việc lựa chọn đúng nghề nghiệp và phương pháp để lựa chọn đúng nghề nghiệp.

BÀI 2. CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

I MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

– Mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

– Nhận ra, giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

– Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Năng lực chung

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm tòi, khám phá thêm về hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, các thời điểm phân luồng, các hướng đi thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ, ham học hỏi, tìm hiểu các tài liệu liên quan đến nội dung bài học, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để biết được các thời điểm phân luồng trong giáo dục phổ thông, từ đó xác định hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

II CẤU TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG

Bài học được xây dựng với bốn mạch nội dung chính:

Nội dung 1. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

Nội dung 2. Phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân

Nội dung 3. Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

Nội dung 4. Những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở

Ngoài nội dung chính gồm kênh hình và kênh chữ, trong SGK bài học này còn sử dụng các hộp chức năng để định hướng tư tưởng sư phạm cho GV khi tổ chức các hoạt động học tập nhằm hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất đã được nêu trong mục tiêu của bài học.

Cụ thể:

Hoạt động khởi động (trang 10 SGK): Hình ảnh các sinh viên nhận bằng tốt nghiệp đại học trong Hình 2.1 SGK cùng câu hỏi dẫn nhập có thể gợi ý triển khai hoạt động khởi động cho bài học.

Các hộp chức năng Khám phá:

– Hoạt động khám phá (trang 10 SGK) để kiến tạo tri thức về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

– Qua hoạt động hoàn thiện Hình 2.3 (trang 13 SGK) để nhận biết được các thời điểm phân luồng và các hướng đi chính sau tốt nghiệp trung học cơ sở trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

– Hoạt động khám phá (trang 14 SGK) để kiến tạo tri thức về cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

– Hoạt động khám phá (trang 15 SGK): Qua hoạt động quan sát, phân tích Hình 2.4 (trang 15 SGK) để nhận biết được sau tốt nghiệp trung học cơ sở có thể lựa chọn theo học các trình độ đào tạo lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ nào trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

Các hộp chức năng Luyện tập (trang 12, 14, 15, 16 SGK), Vận dụng (trang 16 SGK), giúp HS củng cố lí thuyết và vận dụng kiến thức đã học để mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, xác định được các thời điểm phân luồng, cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục tương ứng với từng thời điểm phân luồng và các hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Hộp chức năng Kết nối nghề nghiệp (trang 16 SGK) giúp HS có thêm thông tin về ngành Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính.

Bên cạnh đó là nội dung bổ trợ thông qua 02 hộp chức năng Thông tin bổ sung (trang 14 SGK và trang 16 SGK) giúp HS có thêm kiến thức về Mô hình 9+ và quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện nay, danh mục ngành nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp và cao đẳng (tương ứng với trình độ bậc 4, 5), danh mục thống kê ngành đào tạo giáo dục đại học (tương ứng với trình độ bậc 6, 7, 8).

III THIẾT BỊ DẠY HỌC

Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.

Các Hình 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 trong SGK phóng to.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Hoạt động này giúp tạo tâm thế sẵn sàng học tập và gợi mở nhu cầu nhận thức của HS, kích thích sự tò mò và mong muốn tìm hiểu nội dung tiếp theo của bài học.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu quan sát Hình 2.1 (trang 10 SGK) và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về việc để nhận được tấm bằng tốt nghiệp đại học, các sinh viên trong ảnh cần phải trải qua những cấp học nào.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.1 SGK và thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

– GV gọi 2 đến 3 HS bất kì trả lời câu hỏi. Sau đó, GV tổng kết phần trả lời của các HS, từ đó dẫn dắt vào bài học: Để có thể nhận được tấm bằng tốt nghiệp đại học như các anh, chị sinh viên trong hình cần phải lần lượt đi qua những cấp học sau: (1) Giáo dục mầm non; (2) Giáo dục tiểu học; (3) Giáo dục trung học cơ sở; (4) Giáo dục trung học phổ thông; (5) Giáo dục nghề nghiệp với trình độ trung cấp hoặc cao đẳng; (6) Giáo dục đại học với trình độ đại học.

2. Hoạt động tìm hiểu cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

a) Mục tiêu

Hoạt động này giúp HS trình bày được cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 10 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về việc xác định được HS đang học ở cấp học nào và những cấp học trước, sau cấp học đó trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc nội dung mục I (trang 10 SGK).

– GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 10 SGK).

– GV nhận xét các câu trả lời của HS, xác định cho HS câu trả lời đúng nhất và đưa ra những thông tin về hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam theo hộp chức năng Khám phá (trang 10 SGK) và Hình 2.2 (trang 11 SGK).

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 12 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về các nội dung của cột B (mô tả nội dung các bậc học) tương ứng với cột A (tên thành phần của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam).

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc, trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Luyện tập (trang 12 SGK) và ghi đáp án vào vở.

– Sau đó, GV yêu cầu HS dừng bút, gọi một vài HS đưa ra đáp án.

– Cuối cùng, GV đưa ra đáp án và giải thích dựa theo nội dung kiến thức về hệ thống giáo dục quốc dân được trình bày từ trang 10 đến trang 11 (SGK) để khắc sâu kiến thức cho HS.

Gợi ý đáp án:

a → 3	b → 4	c → 6
d → 5	e → 2	g → 1

3. Hoạt động tìm hiểu về phân luồng trong hệ thống giáo dục

a) Mục tiêu

HS nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu quan sát và hoàn thiện Hình 2.3 trong hộp chức năng Khám phá (trang 13 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.3 (trang 13 SGK) và thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

– HS quan sát Hình 2.3, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– GV gọi 2 đến 3 HS khác trả lời câu hỏi, các HS còn lại lắng nghe và bổ sung câu trả lời. Sau đó, GV tổng kết phần trả lời của các HS và đưa ra đáp án chính xác để hoàn thiện Hình 2.3 trong hộp chức năng Khám phá.

Gợi ý đáp án:

1 → D	2 → A	3 → E
4 → B	5 → C	

Sau đó, GV đưa ra những thông tin về các thời điểm phân luồng trong giáo dục phổ thông như nội dung trong hộp chức năng Khám phá tại trang 13.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố được kiến thức sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở có những hướng đi nào để theo học một ngành nghề.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 14 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Đáp án chính xác của HS về câu hỏi ở hộp chức năng Luyện tập.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Luyện tập (trang 14 SGK).

– Trước hết, GV phát cho mỗi HS 1 tờ giấy khổ A5, sau đó yêu cầu HS đọc và lựa chọn phương án mà mình cho là chính xác, ghi đáp án đó vào tờ A5 và chờ hiệu lệnh của GV.

– HS suy nghĩ, lựa chọn đáp án và ghi vào tờ A5.

Gợi ý câu trả lời: đáp án B.

– GV đưa ra yêu cầu để tất cả HS giơ đáp án lên cùng một thời điểm. GV tổng hợp nhanh các đáp án và đưa ra đáp án chính xác. Sau đó, GV giải thích cho HS về đáp án: Sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở, bạn trong câu hỏi Luyện tập này có ba hướng đi đó là: (1) Học tiếp lên Trung học phổ thông; (2) Học nghề trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (3) Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động; do đó để học được nghề sửa chữa, lắp ráp máy tính ngay sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở thì bạn đó chỉ có lựa chọn ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp, sau đó có thể tham gia vào lao động sản xuất, hoặc có thể lựa chọn học lên trình độ cao đẳng, đại học nếu có nhu cầu.

– GV yêu cầu HS đọc mục Thông tin bổ sung (trang 14 SGK) để có thêm kiến thức về mô hình đào tạo song song chương trình Trung học phổ thông với đào tạo nghề cho HS tốt nghiệp trung học cơ sở.

4. Hoạt động tìm hiểu cơ hội lựa chọn nghề nghiệp lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

a) Mục tiêu

Hoạt động này giúp HS biết các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục tương ứng với các thời điểm phân luồng.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 14 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục tương ứng với các thời điểm phân luồng.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc nội dung mục III (trang 14 SGK).

– GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 14 SGK).

– GV nhận xét các câu trả lời HS, xác định lại cho HS câu trả lời đúng nhất và đưa ra những thông tin về các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục tương ứng với các thời điểm phân luồng.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hoạt động này giúp HS củng cố được kiến thức về trình độ đào tạo tương ứng với các cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Luyện tập (trang 15 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục tương ứng với các thời điểm phân luồng.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Luyện tập (trang 15 SGK).

– GV nhận xét các câu trả lời của HS, xác định lại cho HS câu trả lời đúng nhất và đưa ra những thông tin về các trình độ đào tạo tương ứng với nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà HS có thể theo học sau tốt nghiệp Trung học cơ sở dựa trên nội dung kiến thức tại trang 14 SGK.

5. Hoạt động tìm hiểu những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp Trung học cơ sở

a) Mục tiêu

HS nhận biết được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp Trung học cơ sở.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu quan sát Hình 2.4 và trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 15 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về việc lựa chọn trình độ nào trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân sau tốt nghiệp trung học cơ sở để trở thành công nhân hoặc kĩ sư (trang 15 SGK).

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.4 và trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 15 SGK).

– Để HS trả lời được câu hỏi, GV tổ chức hoạt động: chia lớp làm 4 nhóm, trong đó 2 nhóm theo hướng trở thành công nhân và 2 nhóm theo hướng trở thành kĩ sư. Sau đó, GV yêu cầu các nhóm quan sát Hình 2.4 và thảo luận nhóm rồi trả lời câu hỏi.

– HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm và thống nhất câu trả lời của nhóm.

– GV gọi đại diện từng nhóm trình bày phần thảo luận của nhóm mình, trong đó yêu cầu nhóm còn lại có cùng nội dung thảo luận đặt câu hỏi cho nhóm vừa trình bày về đáp án của nhóm đó. Nhóm trình bày sẽ phản hồi câu hỏi của nhóm đặt câu hỏi. Tương tự với nội dung còn lại.

– Sau khi cả 4 nhóm trình bày xong phần thảo luận của nhóm mình, GV tổng kết phần thảo luận nhóm và đưa ra thông tin bài học về những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở được trình bày từ trang 15 đến trang 16 SGK.

– GV yêu cầu HS đọc mục Thông tin bổ sung (trang 16 SGK) để biết được quy định về các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố được kiến thức về các hướng đi học nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở, những cơ sở giáo dục nào đào tạo trình độ trung cấp đối với lĩnh vực nghề nghiệp này.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 16 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở có những hướng đi nào có thể lựa chọn để theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi hộp chức năng Luyện tập (trang 16 SGK).

– GV nhận xét các câu trả lời của HS và đưa ra đáp án.

Gợi ý đáp án: (1) Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo; (2) Theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; (3) Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, sau đó tốt nghiệp trung học phổ thông có thể lựa chọn theo học trình độ cao đẳng hoặc đại học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc đại học có đào tạo các ngành liên quan đến lĩnh vực này.

– GV đọc nội dung trong hộp chức năng Kết nối nghề nghiệp (trang 16 SGK). Chia sẻ thêm thông tin về ngành này.

– HS lắng nghe và ghi các thông tin cần thiết vào vở.

Gợi ý một số thông tin về ngành kĩ thuật cơ khí:

– Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính là ngành thiết kế, xây dựng, kiểm soát, hỗ trợ các hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo vận hành và an toàn, bao gồm cả dữ liệu, phần cứng, phần mềm, mạng và hệ điều hành. Những người làm trong ngành nghề này được gọi là nhà quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính. Những người này được đào tạo chuyên sâu về mạng máy tính, an ninh mạng, cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu. Họ có thể làm việc tại các công ty chuyên về dữ liệu, các bộ phân quản trị mạng và dữ liệu của công ty, các công ty viễn thông lớn, hay các ngân hàng.

– Ngành Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính được quy định trong Danh mục ngành, nghề cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của cơ quan quản lí giáo dục nghề nghiệp thuộc tên nhóm ngành là "Công nghệ thông tin" (mã nhóm ngành: 54802), đó là: (1) Quản trị cơ sở dữ liệu (mã ngành: 5480208); (2) Quản trị mạng máy tính (mã ngành: 5480209).

6. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS liên hệ được kiến thức đã học với thực tiễn tìm hiểu sau tốt nghiệp Trung học cơ sở có những hướng đi nào để có thể làm việc trong ngành quản trị dữ liệu và mạng máy tính.

b) Nội dung hoạt động

GV đặt nhiệm vụ học tập và giao cho HS thực hiện ở nhà theo hộp chức năng Vận dụng (trang 16 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Sản phẩm học tập ở nhà của HS.

d) Cách thức tiến hành

– GV đưa ra yêu cầu cho HS về hoạt động vận dụng và giao HS thực hiện ở nhà: (1) Bằng kiến thức đã học và sử dụng internet, em hãy tìm hiểu nghề nghiệp quản trị dữ liệu và mạng máy tính có những hướng đi nào trong hệ thống giáo dục quốc dân nước ta; (2) Nghề nghiệp đó có những trình độ đào tạo nào theo Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, cao đẳng và Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

– HS tiếp nhận nhiệm vụ, ghi chép yêu cầu vào vở và thực hiện ở nhà, trả bài vào giờ học sau.

– GV nhận xét, đánh giá, kết thúc bài học.

Gợi ý sử dụng internet để tìm kiếm thông tin: HS có thể sử dụng công cụ tìm kiếm Google để gõ các từ khoá nhằm tìm kiếm các thông tin cần thiết. Một số từ khoá HS có thể sử dụng để tìm kiếm: "các trình độ đào tạo ngành quản trị dữ liệu và mạng máy tính", "Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp", "Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học".

V GỢI Ý CÂU HỎI, BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Em hãy trình bày cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.

Câu 2. Em hãy cho biết các thời điểm phân luồng trong giáo dục phổ thông của Việt Nam và các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục tương ứng với mỗi thời điểm phân luồng đó.

Câu 3. Em hãy trình bày các hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và kể tên các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam tương ứng với mỗi hướng đi đó.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG

Theo cơ quan quản lí giáo dục nghề nghiệp, mô hình đào tạo 9+ là mô hình song song chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông kết hợp với học nghề hệ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho HS tốt nghiệp trung học cơ sở. Đây là hướng đi phù hợp với những HS mong muốn nhanh chóng tham gia thị trường lao động. (Nguồn: www.tcdn.gov.vn, 2021)

Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 bao gồm 08 bậc tương ứng với 06 trình độ đào tạo là sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Trong đó, cơ quan quản lí giáo dục nghề nghiệp ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp và cao đẳng (bậc 4, 5), còn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (bậc 6, 7, 8).

BÀI 3. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

I MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

a) Năng lực công nghệ:

– Trình bày được khái niệm về thị trường lao động.

– Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.

– Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

– Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Năng lực chung

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm tòi, khám phá thêm về thị trường lao động đối với các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về thị trường lao động vào việc tìm hiểu các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ phù hợp với bản thân.

II CẤU TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG

Bài học được xây dựng với năm mạch nội dung chính:

Nội dung 1. Khái niệm về thị trường lao động

Nội dung 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

Nội dung 3. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

Nội dung 4. Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay

Nội dung 5. Tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ

Ngoài nội dung chính gồm kênh hình và kênh chữ, trong SGK bài học này còn sử dụng các hộp chức năng để định hướng tư tưởng sư phạm cho GV khi tổ chức các hoạt động học tập nhằm hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất đã được nêu trong mục tiêu của bài

học cho HS. Cụ thể, hộp chức năng Khám phá nhằm kiến tạo tri thức liên quan tới hình thành khái niệm thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp, tìm hiểu cách thức tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ; hộp chức năng Luyện tập nhằm giúp HS chỉ ra được ví dụ cụ thể của các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động, tìm kiếm thông tin thị trường lao động của ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; hộp chức năng Vận dụng với các định hướng cho HS kết nối kiến thức của bài học với thực tiễn.

III THIẾT BỊ DẠY HỌC

Tranh minh hoạ về các thông tin thị trường lao động.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS.

b) Nội dung hoạt động:

HS được yêu cầu quan sát Hình 3.1 SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về nhu cầu tuyển dụng của các ngành nghề khác nhau.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.1 SGK thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– HS quan sát Hình 3.1 thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– GV dẫn dắt HS vào bài mới: Theo hình vẽ, nhu cầu tuyển dụng của các ngành nghề tại một thời điểm rất khác nhau. Chính vì vậy, để lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp với bản thân, đồng thời cũng phù hợp với nhu cầu của xã hội thì mỗi người cần phải biết tìm kiếm những thông tin về nhu cầu tuyển dụng của các ngành nghề. Những thông tin này có thể tìm kiếm được từ thị trường lao động. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam.

2. Hoạt động tìm hiểu khái niệm về thị trường lao động

a) Mục tiêu

HS trình bày được khái niệm về thị trường lao động.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận, trả lời câu hỏi theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi được khái niệm về thị trường lao động.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi về yêu cầu trong hộp chức năng Khám phá.

HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi: một số loại hàng hoá, dịch vụ như đất, nông sản, hải sản, gạo, dịch vụ khách sạn, dịch vụ thuê xe,… Nơi diễn ra hoạt động mua, bán hàng hoá hoặc dịch vụ gọi là thị trường.

– GV lưu ý: chợ, siêu thị, sàn giao dịch,… là các biểu hiện của thị trường.

– GV yêu cầu HS từ khái niệm thị trường (Trong danh mục thuật ngữ), đọc thông tin và đưa ra khái niệm thị trường lao động.

Gợi ý trả lời:

Thị trường lao động là thị trường trao đổi hàng hoá sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở thoả thuận với nhau về tiền lương, các điều kiện làm việc,… Trong đó, người lao động là bên bán, người sử dụng lao động là bên mua, hàng hoá sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.

Sự khác biệt giữa thị trường lao động với các thị trường khác ở chỗ hàng hoá trên thị trường lao động là loại hàng hoá đặc biệt, hàng hoá sức lao động gắn chặt với người có sức lao động cả về số lượng và chất lượng; có sự khác biệt với mỗi người. Mỗi người lao động khác nhau về tuổi tác, nguồn gốc, giới tính, trí thông minh, sự khéo léo, thể lực, động lực làm việc, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kĩ thuật, kinh nghiệm làm việc,… và chúng đều có ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả lao động. Trong khi đó, các loại hàng hoá, dịch vụ đặc biệt là hàng hoá công nghiệp thường được chuẩn hoá cao, đảm bảo tính đồng nhất về mẫu mã, chất lượng.

3. Hoạt động tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

a) Mục tiêu

HS trình bày được yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận, trả lời câu hỏi theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia nhóm HS, yêu cầu HS đọc SGK, xác định các yếu tố ảnh hưởng, sau đó thảo luận nhóm để hoàn thành bảng dưới đây.

Yếu tố ảnh hưởng	Biểu hiện
Sự phát triển của khoa học, công nghệ	
Sự chuyển dịch cơ cấu	
Nhu cầu lao động	
Nguồn cung lao động	

– HS đọc SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng.

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời tại chỗ, HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý câu trả lời:

Yếu tố ảnh hưởng	Biểu hiện
Sự phát triển của khoa học, công nghệ	– Hỗ trợ sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nhiều công việc thay đổi theo hướng giảm bớt cầu lao động. – Yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động về năng lực, trình độ chuyên môn và các kĩ năng thiết yếu.
Sự chuyển dịch cơ cấu	Thay đổi nhu cầu lao động giữa các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế và các vùng lãnh thổ kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động tương ứng.
Nhu cầu lao động	Số lượng các ngành, nghề và nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của người sử dụng lao động khác nhau thể hiện ở số việc làm và khả năng tạo việc làm trong một thời kì nhất định.
Nguồn cung lao động	Số lượng lao động, thời gian tham gia lao động, chất lượng và cơ cấu nguồn lực con người tham gia vào thị trường lao động luôn thay đổi theo thời gian và theo không gian giữa các vùng, ngành.

Lưu ý: Trước khi GV cho HS hoàn thành bảng, cần lưu ý với HS một số điểm sau:

Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế được dùng để chỉ những thay đổi trong các bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Có các hướng chuyển dịch cơ cấu như sau:

– *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành:* Là sự vận động chuyển dịch vị trí, tỉ trọng của các ngành kinh tế và mối quan hệ tương hỗ giữa chúng để phù hợp với năng lực sản xuất và

phân công lao động xã hội. Cơ cấu kinh tế Việt Nam hiện nay được chia thành theo ngành gồm Nông – lâm – thuỷ sản; Công nghiệp và xây dựng; Dịch vụ.

– *Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế:* là sự chuyển dịch tỉ trọng của các thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế ở Việt Nam gồm kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước (kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

– *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ:* Là sự chuyển dịch các ngành kinh tế giữa các vùng trên phạm vi lãnh thổ một quốc gia.

– GV yêu cầu HS đọc mục Thông tin bổ sung (trang 18 SGK) để hiểu thêm về ảnh hưởng của các chính sách của nhà nước đến thị trường lao động.

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Luyện tập (trang 18 SGK).

Gợi ý trả lời: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản sang các khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ đã làm thay đổi nhu cầu lao động và cơ cấu lao động trong thị trường lao động theo hướng tăng nhu cầu lao động và số lao động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ; giảm nhu cầu lao động và số lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

4. Hoạt động tìm hiểu vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

HS trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc các nội dung trong SGK, thảo luận nhóm đôi, thực hiện hộp chức năng Khám phá.

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện 2 nhóm HS lên trả lời câu hỏi về các thông tin mà thị trường lao động cung cấp để định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

5. Hoạt động tìm hiểu về những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay

a) Mục tiêu

HS trình bày được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi được những vấn đề cơ bản về thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đọc các nội dung trong SGK, thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi. GV có thể đưa ra các số liệu minh hoạ từ báo cáo điều tra lao động việc làm hằng năm của Cục Thống kê; báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế, yêu cầu HS đọc số liệu và chỉ ra những đặc điểm của lực lượng lao động, mối quan hệ cung – cầu lao động, xu hướng của thị trường lao động.

Gợi ý: Em hãy đọc các số liệu trong Bảng 3.1 và cho biết cơ cấu lực lượng lao động chia theo vùng, trình độ chuyên môn kĩ thuật đã thay đổi như thế nào trong 5 năm từ năm 2017 đến năm 2021.

Bảng 3.1. Một số chỉ tiêu của thị trường lao động Việt Nam về cơ cấu lực lượng lao động trong 5 năm từ năm 2017 đến năm 2021

Chỉ tiêu	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
a. Cơ cấu lực lượng lao động chia theo (%)					
1. Thành thị/nông thôn	***100,0***	***100,0***	***100,0***	***100,0***	***100,0***
Thành thị	32,2	32,6	32,4	33,1	36,7
Nông thôn	67,8	67,4	67,6	66,9	63,3
2. Trình độ chuyên môn kĩ thuật cao nhất đạt được	***100,0***	***100,0***	***100,0***	***100,0***	***100,0***
Không có trình độ chuyên môn kĩ thuật	78,3	78,0	77,2	76,0	73,9
Sơ cấp	5,4	5,5	3,7	4,7	6,8
Trung cấp	3,8	3,8	4,7	4,4	4,1
Cao đẳng	2,9	3,2	3,8	3,8	3,6
Đại học trở lên	9,6	9,7	10,6	11,1	11,7

Chỉ tiêu	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
b. Cơ cấu lao động có việc làm chia theo (%)					
Khu vực kinh tế	***100,0***	***100,0***	***100,0***	***100,0***	***100,0***
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	40,2	37,7	34,5	33,1	29,1
Công nghiệp và xây dựng	25,8	26,7	30,1	30,8	33,1
Dịch vụ	34,1	35,6	35,4	36,1	37,8

(*Nguồn: Cục Thống kê – Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020 và năm 2021*)

– HS đọc tài liệu, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý đáp án: Từ số liệu, có thể thấy lực lượng lao động ở thành thị trong những năm qua có xu hướng ngày càng tăng nhưng vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn. Chất lượng lao động, trình độ chuyên môn kĩ thuật của lực lượng lao động vẫn còn rất thấp. Sự chuyển dịch của cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. Từ đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kĩ thuật, công nghệ đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động.

6. Hoạt động tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

HS tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu quan sát Hình 3.4 và làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (trang 21 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của đại diện nhóm HS về các nguồn tìm kiếm thông tin thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và bằng cách nào tìm được các thông tin đó.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.4 và thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

– HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– GV gọi 2 đến 3 HS bất kì trả lời câu hỏi. Sau đó, GV tổng kết phần trả lời của các HS và trình bày nội dung bài học tại các trang 22, 23 SGK.

– GV yêu cầu HS đọc mục Thông tin bổ sung (trang 23 SGK) để biết có một nguồn thông tin đáng tin cậy và hữu ích có thể tìm kiếm trên internet về thông tin thị trường lao động ở Việt Nam.

7. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS củng cố kiến thức và thực hiện được việc tìm kiếm thông tin thị trường lao động của một ngành nghề dựa trên quy trình đã được trình bày tại trang 22, 23 SGK.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 23 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

Báo cáo kết quả tìm kiếm về thông tin ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà nhóm HS đã lựa chọn.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia lớp thành 4 nhóm. Sau đó, GV phổ biến về hoạt động Luyện tập tại trang 23 SGK.

Gợi ý tổ chức hoạt động:

HS làm việc nhóm với 1 nhóm trưởng (làm nhiệm vụ điều hành nhóm) và 1 thư kí (làm nhiệm vụ ghi chép kết quả thảo luận nhóm). GV chuẩn bị 4 phiếu rút thăm ghi tên 4 ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và mời 4 nhóm trưởng lên bốc thăm. Sau khi kết thúc thảo luận nhóm, các nhóm sẽ trình bày theo số thứ tự được ghi trong phiếu rút thăm.

Các nhóm được yêu cầu tìm kiếm thông tin dựa trên quy trình tìm kiếm được trình bày tại các trang 22, 23 SGK. Báo cáo của các nhóm được khuyến khích trình bày một cách sáng tạo, hấp dẫn trên khổ giấy A0 mà GV phát cho mỗi nhóm. GV lưu ý HS có thể sử dụng các công cụ tìm kiếm trên internet. Tiêu chí về đánh giá phần làm việc nhóm như sau:

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá
1	Đảm bảo đủ các nội dung sau: Thông tin về tình trạng, xu hướng việc làm của nghề nghiệp đó. Thông tin về nhu cầu và đơn vị tuyển dụng nghề nghiệp đó. Các cơ sở giáo dục nào hiện đang đào tạo nghề nghiệp đó. Thông tin về tiền lương, tiền công.	Mỗi nội dung đầy đủ được 2 điểm. Thiếu nội dung nào không tính điểm nội dung đó. Điểm tối đa: 08 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá
2	Trình bày báo cáo: Báo cáo trình bày sáng tạo Thuyết trình hấp dẫn, khoa học	Báo cáo trình bày sáng tạo: 1 điểm Thuyết trình hấp dẫn, khoa học: 1 điểm. Điểm tối đa: 02 điểm.
	Tổng điểm đánh giá tối đa là 10 điểm	

Sau khi làm việc nhóm, mỗi nhóm sẽ cử ra đại diện trình bày phần thảo luận nhóm.

– HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu trên của GV.

– GV quan sát và có thể hỗ trợ các nhóm khi cần thiết trong quá trình thảo luận. Sau khi hết thời gian, GV tổ chức thảo luận: đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm, HS các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.

– GV nhận xét và đánh giá cho điểm phần làm việc của các nhóm.

– GV đọc nội dung trong hộp chức năng Kết nối nghề nghiệp (trang 23 SGK). Chia sẻ thêm thông tin về ngành này.

– HS lắng nghe và ghi các thông tin cần thiết vào vở.

Gợi ý một số thông tin về ngành khoa học dữ liệu:

– Khoa học dữ liệu là một ngành lớn và có những phân cấp nhỏ hơn để giải quyết những vấn đề cụ thể, chi tiết trong các lĩnh vực khác nhau với 3 cấp: (1) Cấp thứ nhất – data mining: khoanh vùng và tìm kiếm dữ liệu đầu vào dưới sự hỗ trợ của công nghệ và thuật toán thống kê; (2) Cấp thứ hai – data analytics: cách con người ứng dụng công nghệ phân tích để biến những dữ liệu đã khai thác thành các nhóm thông tin cụ thể; (3) Cấp thứ ba – data analysis: hệ thống hoá và xây dựng cấu trúc cho những thông tin đầu ra của cấp thứ hai. Những thông tin này sẽ được đào sâu phân tích, kết nối và diễn giải thành các thông tin thông dụng, mang tính ứng dụng cao.

– Cơ hội nghề nghiệp: HS có thể lựa chọn theo hướng nghiên cứu với tính học thuật cao tại các cơ sở nghiên cứu, hoặc theo hướng ứng dụng tại các doanh nghiệp. Xu hướng phát triển của ngành này là rất cao trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, do vậy nhu cầu về nhân lực là rất lớn trong mọi ngành và lĩnh vực. Theo báo cáo của Vietnamwork năm 2021 với thị trường nhân lực ngành công nghệ, ngành khoa học dữ liệu có số lượng đăng tin tuyển dụng tăng 41% và ứng tuyển tăng đột biến 147%. Mức lương trung bình theo khảo sát vào tháng 02/2022 của Glints, ngành này có mức thu nhập dao động từ 12 triệu đến 50 triệu đồng, nằm trong top ngành có thu nhập cao nhất.

8. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS liên hệ được kiến thức đã học với thực tiễn tìm hiểu thị trường lao động trong khu vực sinh sống.

b) Nội dung hoạt động

GV đặt ra nhiệm vụ học tập và giao cho HS thực hiện ở nhà.

c) Sản phẩm hoạt động

Sản phẩm học tập ở nhà của HS.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động vận dụng ở nhà: Nhóm ngành nghề kĩ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

– HS tiếp nhận nhiệm vụ, ghi chép yêu cầu vào vở và thực hiện ở nhà, trả bài vào giờ học sau.

– GV nhận xét, đánh giá, kết thúc bài học.

V GỢI Ý CÂU HỎI, BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Thị trường lao động có sự khác biệt với các loại thị trường lao động khác như thế nào?

Câu 2. Sự phát triển của khoa học, công nghệ đã tác động đến thị trường lao động như thế nào? Lấy ví dụ minh hoạ.

Câu 3. Khi muốn lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, em có thể tìm kiếm những thông tin gì từ thị trường lao động để giúp ích cho điều đó?

Câu 4. Thị trường lao động Việt Nam hiện nay đòi hỏi người lao động phải đáp ứng những yêu cầu nào?

BÀI 4. QUY TRÌNH LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP

I MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

– Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.

– Tìm hiểu được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

– Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Năng lực chung

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm tòi, khám phá thêm về các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phẩm chất

Có trách nhiệm tìm hiểu các nội dung bài học và các tài liệu liên quan. Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về các lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp, yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp để bước đầu đưa ra định hướng nghề nghiệp cho bản thân.

II CẤU TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG

Bài học được xây dựng với ba mạch nội dung chính:

Nội dung 1. Một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

Nội dung 2. Các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp

Nội dung 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Ngoài nội dung chính gồm kênh hình và kênh chữ, trong SGK bài học này còn sử dụng các hộp chức năng để định hướng tư tưởng sư phạm cho GV khi tổ chức các hoạt động học tập nhằm hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất đã được nêu trong mục tiêu của bài học cho HS. Cụ thể như sau:

– Hoạt động khởi động (trang 24 SGK): Hình ảnh về ba yếu tố mang tính liên kết có tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp ở Hình 4.1 SGK cùng câu hỏi dẫn nhập có thể gợi ý triển khai hoạt động khởi động cho bài học.

– Các hộp chức năng Khám phá: Qua hoạt động đọc SGK, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi trong hộp chức năng Khám phá (các trang 24, 28, 29 SGK) để tìm hiểu về một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp, quy trình lựa chọn nghề nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

– Các hộp chức năng Luyện tập (trang 27, 29, 30), Vận dụng (trang 30) giúp HS củng cố lí thuyết và vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn những yếu tố để việc định hướng nghề của bản thân có căn cứ khoa học, qua đó tìm được nghề phù hợp; xác định quy trình chọn nghề đúng; chia sẻ về dự định tiếp theo của bản thân sau khi tốt nghiệp cấp Trung học cơ sở và những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đó.

– Bên cạnh đó là nội dung bổ trợ thông qua hộp chức năng Thông tin bổ sung (trang 27 SGK) giới thiệu đến HS triết lí Ikigai dùng trong việc định hướng nghề nghiệp.

III THIẾT BỊ DẠY HỌC

Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu; Hình 5.1. SGK phóng to.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC

1. Hoạt động khởi động

a) Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS.

b) Nội dung hoạt động

HS được yêu cầu quan sát Hình 4.1 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm hoạt động

Câu trả lời của HS về các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.1 SGK thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.

– GV dẫn dắt HS vào bài mới: Quan sát Hình 4.1, chúng ta thấy 3 bánh răng có sự ăn khớp với nhau, giữa chúng có mối quan hệ và không thể tách rời. Khi chọn nghề HS phải trả lời được 3 câu hỏi: Tôi thích làm gì? Tôi có thể làm gì? Tôi cần làm gì? Việc trả lời được 3 câu hỏi một cách rõ ràng, cụ thể sẽ là căn cứ quan trọng để HS chọn được nghề nghiệp phù hợp với bản thân và xã hội. Bài học hôm nay sẽ hướng dẫn các em quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

2. Hoạt động tìm hiểu một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

a) Mục tiêu

HS tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận, trả lời câu hỏi theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi được tóm tắt một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.

d) Cách thức tiến hành

– GV: Chia lớp thành 4 nhóm. Sau đó, GV phổ biến yêu cầu các đội thảo luận theo yêu cầu trong hộp chức năng Khám phá (trang 24 SGK). Mỗi nhóm tìm hiểu về một lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp. Các nhóm được yêu cầu trình bày phần thảo luận của mình lên khổ giấy A0. Sau khi làm việc nhóm, mỗi nhóm sẽ cử ra đại diện trình bày phần thảo luận của nhóm mình. GV lưu ý HS có thể sử dụng các công cụ tìm kiếm trên internet.

– HS làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu trên của GV.

– GV quan sát và có thể hỗ trợ các nhóm khi cần thiết trong quá trình thảo luận. Sau khi hết thời gian, GV tổ chức thảo luận: đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm, HS các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.

– GV nhận xét và đánh giá phần trình bày của các nhóm với nội dung sau: phần tóm tắt lí thuyết nhóm đưa ra đã chính xác hay chưa; khả năng làm việc nhóm; ví dụ cho lí thuyết mà nhóm đưa ra; khả năng trình bày của đại diện nhóm; phần nhận xét và hỏi đáp giữa các nhóm. Sau đó, GV đưa ra nội dung bài học như trong hộp chức năng Khám phá (trang 24 SGK).

– GV lưu ý: Khi lựa chọn nghề nghiệp, HS có thể áp dụng nhiều lí thuyết khác nhau.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS vận dụng được 2 lí thuyết đã học vào việc xác định các đặc điểm cơ bản về sở thích, năng lực, cá tính của bản thân.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 27 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

HS vận dụng được lí thuyết để xác định các đặc điểm của bản thân.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động trong hộp chức năng Luyện tập (trang 27 SGK) để củng cố lí thuyết, hướng dẫn HS tìm trắc nghiệm Holland trên mạng internet để thực hiện và ghi lại kết quả về tính cách, môi trường nghề nghiệp phù hợp.

– GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.4 và thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập, tìm hiểu thông tin và đặc điểm về nghề "thợ điện", từ đó tìm hiểu rõ lí do mình phù hợp hay không khi làm nghề nghiệp này thông qua các lí thuyết cây nghề nghiệp.

– HS lựa chọn một hoặc ba lí thuyết chọn nghề để tìm hiểu bản thân có phù hợp với nghề "thợ điện" không. HS suy nghĩ, có thể ghi ra vở.

– GV gọi 5 HS bất kì trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe và bổ sung ý kiến khi được gọi.

Gợi ý trả lời:

Ứng dụng lí thuyết "Mật mã Holland", bạn A thấy tính cách của mình thuộc về nhóm xã hội. Bạn A thích các hoạt động xã hội, nhiệt tình, trách nhiệm, khả năng lắng nghe và hỗ trợ người khác; mong muốn được làm các công việc trong môi trường mang tính xã hội cao, thường xuyên giao tiếp với người khác hoặc có nhiều cơ hội giúp đỡ, huấn luyện, chỉ dẫn người khác.

Tuy nhiên, nghề "thợ điện" là nghề nghiệp phù hợp với những người có kiểu tính cách là nhóm kĩ thuật, thích làm việc với công cụ, máy móc,... Môi trường làm việc bao gồm các công việc liên quan đến điều khiển máy móc, đồ vật hoặc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, cây trồng.

Vì vậy, xét về tính cách, mong muốn và mục tiêu nghề nghiệp thì nghề "thợ điện" chưa phải là một nghề thực sự phù hợp với bạn A.

– GV tổng kết và nhận xét phần trả lời của các HS.

– GV yêu cầu HS đọc mục thông tin bổ sung (trang 28 SGK) để hiểu thêm về triết lí Ikigai dùng trong việc định hướng nghề nghiệp.

3. Hoạt động tìm hiểu về các bước trong quy trình lựa chọn nghề

a) Mục tiêu

HS trình bày được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận, trả lời câu hỏi theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia nhóm HS, yêu cầu HS đọc SGK, xác định các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp để hoàn thành bảng sau:

STT	Tên bước	Cách thức thực hiện

– HS đọc SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng.

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện 2 đến 3 HS trình bày tại chỗ, HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý câu trả lời:

STT	Tên bước	Cách thức thực hiện
1	Đánh giá bản thân	– Làm rõ các đặc điểm tính cách của bản thân phù hợp với lĩnh vực nghề nghiệp nào. – Xác định được các điểm mạnh, điểm yếu nếu làm những việc mình mong muốn. – Tìm hiểu và làm rõ lí do mình thích và đam mê với lĩnh vực nghề mình mong muốn. – Xác định những mục tiêu, giá trị nghề nghiệp của bản thân. – Liệt kê được danh sách, xếp theo thứ tự ưu tiên các nghề mong muốn được học tập, làm việc sau này.
2	Tìm hiểu thị trường lao động	– Tìm hiểu nội dung, tính chất lao động, chống chỉ định y học của nghề nghiệp. – Tìm hiểu những điều kiện kiến thức, tay nghề, năng lực, tính cách cần để hành nghề có kết quả. – Tìm hiểu các cơ hội việc làm, các vị trí tuyển dụng liên quan đến nghề. – Làm rõ những yêu cầu của thị trường lao động đối với kiến thức, kĩ năng, tay nghề trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. – Lập danh sách các nghề ưu tiên lựa chọn với tiêu chí có sự phù hợp giữa năng lực, sở thích, tính cách, mục tiêu, giá trị nghề nghiệp của bản thân với yêu cầu của nghề nghiệp và nhu cầu thị trường lao động.
3	Ra quyết định	Căn cứ kết quả Bước 1, Bước 2, tiến hành so sánh, đối chiếu tìm ra sự phù hợp giữa tính cách, năng lực, sở thích với những đặc điểm yêu cầu của nghề nghiệp và thị trường lao động.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS giải thích được tại sao phải thực hiện các bước chọn nghề.

b) Nội dung hoạt động

HS trả lời nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 29 SGK).

c) Sản phẩm hoạt động

HS giải thích được ý nghĩa của từng bước chọn nghề và quy trình của sự lựa chọn để đảm bảo sự phù hợp.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động trong hộp chức năng Luyện tập để củng cố lí thuyết, giải thích từng bước trong quy trình chọn nghề và ý nghĩa của từng bước đó.

– HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

Gợi ý trả lời:

– Bước 1: Đánh giá bản thân. Khi chọn nghề, việc hiểu bản thân có sở thích, năng lực hết sức quan trọng vì khi được làm công việc phù hợp với năng lực bản thân mình bạn sẽ cảm thấy dễ chịu, thoải mái tinh thần hơn rất nhiều. Việc hiểu rõ năng lực và tính cách sẽ giúp định hướng lựa chọn những nghề nghiệp mà bản thân có khả năng đáp ứng và phát triển nghề nghiệp.

– Bước 2: Tìm hiểu thị trường lao động. Mỗi một nghề nghiệp lại có những yêu cầu khác nhau về năng lực, tố chất và các kĩ năng lao động, các phẩm chất nhân cách. Vì vậy, để đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp, người lao động phải có năng lực, tính cách, phẩm chất phù hợp với yêu cầu đó. Ngoài tìm hiểu về nghề nghiệp cần tìm hiểu thông tin về thị trường lao động của nghề nghiệp đó, qua đó nắm được nhu cầu tuyển dụng, các cơ sở đào tạo nghề và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

– Bước 3: Ra quyết định. Khi đã hiểu rõ bản thân và có thông tin về nghề và thị trường lao động, đây là thời điểm HS so sánh, đối chiếu để tìm ra lĩnh vực nghề nghiệp bản thân thấy phù hợp nhất để quyết định lựa chọn, tìm hiểu sâu hơn.

– Cả ba bước phải được thực hiện lần lượt theo quy trình để đảm bảo việc lựa chọn được diễn ra khoa học, chính xác, giảm bớt thời gian và những sai lầm trong lựa chọn.

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

HS trình bày được yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS trình bày được yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia nhóm HS, yêu cầu HS đọc SGK, tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp để hoàn thành bảng sau:

Yếu tố	Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn
Yếu tố chủ quan	– Năng lực – Sở thích – Cá tính
Yếu tố khách quan	– Nhà trường – Gia đình – Xã hội – Nhóm bạn

– HS đọc SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng.

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện 2 đến 3 HS trình bày sản phẩm, HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý câu trả lời:

Yếu tố	Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn
Chủ quan	– Năng lực: năng lực có ảnh hưởng tới khả năng hoàn thành nhiệm vụ của công việc; đáp ứng được các tính chất lao động, điều kiện sức khoẻ. – Sở thích: là điều kiện quan trọng giúp chúng ta có động lực để phát triển kĩ năng, vượt khó khi chinh phục nghề nghiệp. – Cá tính: Liên quan mật thiết tới xu hướng nghề nghiệp.
Khách quan	– Nhà trường: qua bài giảng, qua các hoạt động trải nghiệm; qua các câu chuyện nghề nghiệp của thầy, cô giáo chia sẻ. – Gia đình: điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, sự quan tâm, định hướng của cha mẹ. – Xã hội: sự thay đổi của cung, cầu trên thị trường lao động, định kiến, trào lưu nghề nghiệp. – Nhóm bạn: bạn bè là nguồn thông tin tham khảo quan trọng khi chọn nghề, tuy nhiên cần tỉnh táo, không chạy theo phong trào.

Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS nắm được lí do bản thân quyết định lựa chọn hoặc không lựa chọn nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS chỉ ra được lí do dẫn tới quyết định lựa chọn hoặc không lựa chọn nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– GV chia nhóm HS, mỗi nhóm từ 2 đến 3 bạn, yêu cầu HS thảo luận về lí do lựa chọn hoặc không lựa chọn nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và điền vào bảng dưới đây.

Quyết định lựa chọn	Lí do
Chọn	– *Yếu tố chủ quan* + Năng lực + Sở thích + Cá tính – *Yếu tố khách quan* + Nhà trường + Gia đình + Xã hội + Bạn bè
Không chọn	– *Yếu tố chủ quan* + Năng lực + Sở thích + Cá tính – *Yếu tố khách quan* + Nhà trường + Gia đình + Xã hội + Bạn bè

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV tổ chức thảo luận: mời đại diện mỗi nhóm 1 HS trình bày sản phẩm, HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận về lí do HS nên chọn hoặc không nên chọn nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ với những căn cứ khoa học.

5. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu:

HS ứng dụng kiến thức đã học để tư vấn cho bạn việc chọn nghề dựa trên căn cứ khoa học.

b) Nội dung hoạt động

GV đặt ra nhiệm vụ học tập và giao cho HS thực hiện ở nhà.

c) Sản phẩm hoạt động

Sản phẩm học tập ở nhà của HS.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS đưa ra những lời khuyên cho bạn của mình dựa trên những căn cứ khoa học của việc chọn nghề, đưa ra quan điểm cá nhân về việc chọn nghề nghiệp.

– HS tiếp nhận nhiệm vụ, ghi chép yêu cầu vào vở và thực hiện ở nhà, trả bài vào giờ học sau.

– GV nhận xét, đánh giá, kết thúc bài học.

Gợi ý câu trả lời:

HS cần chỉ ra việc chọn nghề chỉ đảm bảo tính khoa học khi dựa trên năng lực, sở thích, và cá tính của bản thân và đánh giá chúng có phù hợp hay không phù hợp với nghề nghiệp dự định lựa chọn. Việc chọn nghề chỉ nhằm vào những giá trị kinh tế của nghề, hay cơ hội việc làm mà không chú ý tới năng lực, sở thích của cá nhân sẽ dẫn tới những sai lầm trong lựa chọn.

V GỢI Ý CÂU HỎI, BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Em hãy kể tên một số lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp mà em biết. Em đã ứng dụng lí thuyết nào để đưa ra định hướng nghề nghiệp tương lai?

Câu 2. Em hãy cho biết có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Theo em, sai lầm nào là phổ biến nhất khi định hướng nghề nghiệp?

BÀI 5. DỰ ÁN: TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA BẢN THÂN VỚI MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ THUỘC LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ

I MỤC TIÊU BÀI HỌC

Lập được bảng so sánh mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ theo gợi ý, hướng dẫn.

1. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

Đánh giá được mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Năng lực chung

– Chủ động học tập, lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của dự án thông qua tìm tòi, khám phá các đặc điểm của bản thân và các ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Tích cực giao tiếp, hợp tác nhóm để giải quyết những vấn đề và thực hiện dự án.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ học tập, thực hành đúng quy trình và không bỏ bước. Kiên nhẫn tìm hiểu về các đặc điểm bản thân và các đặc điểm yêu cầu của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Cầu tiến và có tinh thần vượt khó khi thực hiện dự án.

II CẤU TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG

HS đã được học các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. Việc thực hiện dự án "Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ" sẽ giúp HS thực hành thực hiện các bước chọn nghề theo quy trình để đảm bảo tính chính xác cao nhất. Thông qua thực hiện dự án, HS sẽ tự đánh giá được các đặc điểm bản thân, hiểu được các yêu cầu của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ từ đó rút ra các quyết định quan trọng trong lựa chọn nghề sau này.

Cấu trúc bài học dự án gồm các nội dung chính:

Nội dung 1. Giới thiệu dự án và giao nhiệm vụ

– Lập kế hoạch, thực hiện tự đánh giá năng lực, sở thích, cá tính của bản thân và đánh giá mức độ phù hợp với một số nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Tìm hiểu các đặc điểm: năng lực, sở thích, cá tính của bản thân và bối cảnh gia đình.

– Tìm hiểu một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để làm rõ các đặc điểm yêu cầu của nghề nghiệp.

– Đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Nội dung 2. Tiến trình thực hiện dự án

Dự án được thực hiện theo các bước cơ bản của quy trình chọn nghề đã học ở bài trước và theo hướng dẫn của GV.

Nội dung 3. Đánh giá

– Bài thuyết trình quá trình tự đánh giá các đặc điểm của bản thân về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình và kết quả đánh giá mức độ phù hợp với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Nội dung 4. Thông tin bổ trợ

– Một số thông tin cần thiết để HS tham khảo, thực hiện dự án.

– GV tham khảo thêm và mở rộng, hướng dẫn HS thực hiện dự án phù hợp với nhu cầu của HS và điều kiện thực tế.

III THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Vật liệu: giấy, bút,…

– Phương tiện hỗ trợ: máy tính có kết nối internet; các bộ trắc nghiệm tâm lí về hướng nghiệp.

– Phiếu đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp (trang 32 SGK).

IV GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC

1. Hoạt động giới thiệu dự án và giao nhiệm vụ

a) Mục tiêu

Định hướng sự quan tâm của HS vào chủ đề của dự án, ý nghĩa và tầm quan trọng của dự án.

– Giới thiệu dự án.

– Giao nhiệm vụ cho HS.

b) Nội dung hoạt động

Giới thiệu dự án: Mô tả vấn đề thực tiễn cần giải quyết của dự án, nêu sản phẩm cần thực hiện và một số yêu cầu của sản phẩm đó.

Giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện lập kế hoạch và thực hiện tự đánh giá năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình và đánh giá mức độ phù hợp với một số nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

c) Sản phẩm hoạt động

HS nêu được tên của dự án và những nhiệm vụ phải thực hiện trong quá trình cũng như một số yêu cầu cần đạt ban đầu.

d) Cách thức tiến hành

– GV dẫn dắt và đặt câu hỏi cho HS về ý nghĩa của việc lựa chọn nghề khoa học, gợi lại các bước trong quy trình chọn nghề đã học ở bài trước.

– HS nhắc lại các bước trong quy trình. Cách thức thực hiện từng bước theo hướng dẫn.

2. Hoạt động thực hiện quy trình chọn nghề

2.1. Hoạt động tự đánh giá bản thân

a) Mục tiêu

HS tự đánh giá được các đặc điểm bản thân và xác định được mức độ phù hợp với nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

Thực hiện đánh giá bản thân về các mặt năng lực, sở thích, cá tính và bối cảnh gia đình.

c) Sản phẩm hoạt động

HS làm rõ được các đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình của bản thân.

d) Cách thức tiến hành

– HS đọc lại các lí thuyết hướng nghiệp trong Bài 4 SGK, sử dụng các trắc nghiệm hướng nghiệp, trao đổi với người thân để làm rõ các đặc điểm năng lực, sở thích, cá tính và bối cảnh gia đình. Ghi các thông tin thu được vào bảng sau:

Đặc điểm	Biểu hiện	
Năng lực	Có hiểu biết về lĩnh vực nghề nghiệp nào nhất?	
	Kĩ năng nổi trội nhất khi thực hiện hoạt động	
	Khả năng làm việc trong tập thể	
	Năng lực học các môn	
	Khả năng trong học tập, nghiên cứu	
Sở thích	Loại công việc yêu thích	
	Đối tượng lao động yêu thích	
	Môi trường làm việc yêu thích	
Cá tính	5 nét cá tính đặc trưng, nổi bật	
Bối cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế gia đình	

Gợi ý câu trả lời:

– Để hiểu tính cách, cá tính, năng lực của bản thân, HS đọc lại lí thuyết hướng nghiệp mật mã Holland trong Bài 4 SGK, sử dụng trắc nghiệm Holland để xác định tính cách và môi trường nghề nghiệp phù hợp.

– Để hiểu sở thích, HS tự quan sát, chiêm nghiệm lại những hoạt động mình yêu thích và đặt cho mình câu hỏi: Loại công việc nào tôi yêu thích; đối tượng lao động nào tôi muốn được trải nghiệm; môi trường làm việc mong muốn. Hoặc xin ý kiến của gia đình, người thân về những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân cũng như điều kiện kinh tế gia đình đủ đảm bảo theo học ở bậc học cao hơn.

2.2. Hoạt động tìm hiểu đặc điểm chung của nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

HS làm rõ những yêu cầu của nghề nghiệp, điều kiện làm việc, mức thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp của nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS thực hiện Bước 2 trang 31 SGK.

c) Sản phẩm hoạt động

HS ghi chép được các đặc điểm của nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– HS thực hiện tại nhà, đọc lại các Bài 2, 3 SGK để biết cách tìm kiếm thông tin và nguồn thông tin về nghề và thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Tổng hợp thông tin để tìm ra những đặc điểm và yêu cầu nghề nghiệp lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, sau đó điền thông tin tìm được vào bảng sau:

Stt	Yêu cầu của nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	
1	Yêu cầu về hiểu biết	
2	Yêu cầu về kĩ năng	
3	Yêu cầu về khả năng làm việc trong tập thể	
4	Năng lực học tập các môn học	
5	Khả năng học tập, nghiên cứu	
6	Nhiệm vụ chính trong công việc	
7	Đối tượng lao động	
8	Môi trường làm việc	
9	Yêu cầu về phẩm chất	

Gợi ý câu trả lời:

Khi tìm hiểu về các nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, cần tập trung tìm hiểu các thông tin cụ thể:

– Tên nghề.

– Nội dung và tính chất lao động của nghề (mô tả những công việc phải làm khi hành nghề,...).

– Những điều kiện cần thiết để tham gia lao động trong nghề (kiến thức, kĩ năng, các yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ,...).

– Những chống chỉ định y học (những đặc điểm tâm, sinh lí không đảm bảo cho việc học nghề và hành nghề. Những bệnh, tật mà nghề không chấp nhận).

– Những điều kiện đảm bảo cho người lao động (tiền lương, đãi ngộ, cơ hội thăng tiến,...).

– Nhu cầu tuyển dụng và thị trường lao động của nghề trong 3 đến 5 năm tới.

– Tìm hiểu các điều kiện tuyển sinh (điều kiện trúng tuyển đầu vào, học phí, chi phí học tập khác,…).

– Tìm hiểu các điều kiện học tập, hoạt động hỗ trợ người học, tỉ lệ học viên/sinh viên có việc làm.

2.3. Hoạt động đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp

a) Mục tiêu

HS đánh giá được mức độ phù hợp của bản thân đối với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Nội dung hoạt động

HS đọc SGK và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm hoạt động

HS đưa ra được kết luận về mức độ phù hợp của bản thân với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

d) Cách thức tiến hành

– GV yêu cầu HS thực hiện Bước 3 lập bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề (trang 32 SGK).

– HS thực hiện theo hướng dẫn sử dụng bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề (trang 33 SGK).

– HS thực hiện đánh giá kết quả theo hướng dẫn (trang 33 SGK) và đưa ra kết luận bản thân thuộc về mức độ phù hợp nào trong 3 mức độ: Không phù hợp; Phù hợp một phần; Phù hợp hoàn toàn.

3. Hoạt động đánh giá kết quả của giáo viên

– GV chia nhóm HS, yêu cầu HS lần lượt trình bày bản kế hoạch nghề nghiệp với các thành viên trong nhóm của mình.

– GV quan sát và có thể hỗ trợ các nhóm khi cần thiết trong quá trình thảo luận. Sau khi hết thời gian, GV tổ chức thảo luận: đại diện từng nhóm lên trình bày kết quả làm việc nhóm, HS các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.

– HS lần lượt đánh giá, nhận xét chéo về sản phẩm dự án của các thành viên trong nhóm theo các tiêu chí trong SGK (trang 34 SGK).

– GV thu lại sản phẩm của HS, nhận xét và đánh giá hoạt động của các cá nhân theo các tiêu chí trong SGK (trang 34 SGK).

– GV yêu cầu HS đọc mục Thông tin bổ trợ trang 34 SGK và lưu ý với HS một số phương pháp, công cụ giúp HS thêm "hiểu mình", "hiểu nghề" và có thêm kiến thức với việc "học nghề và rèn nghề".

– HS đọc thông tin, có thể truy cập internet để tìm hiểu thêm các nội dung được giới thiệu trong phần bổ trợ.

V GỢI Ý CÂU HỎI, BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp có vai trò như thế nào trong việc hỗ trợ HS thực hiện việc chọn nghề một cách khoa học?

Câu 2. Sau khi có được kết quả về mức độ phù hợp, HS sẽ quyết định như thế nào trong việc lựa chọn nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM VĂN HANH – VŨ THỊ THANH MAI – NGUYỄN THÀNH ĐẠT
Thiết kế sách: LÊ THẾ HẢI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

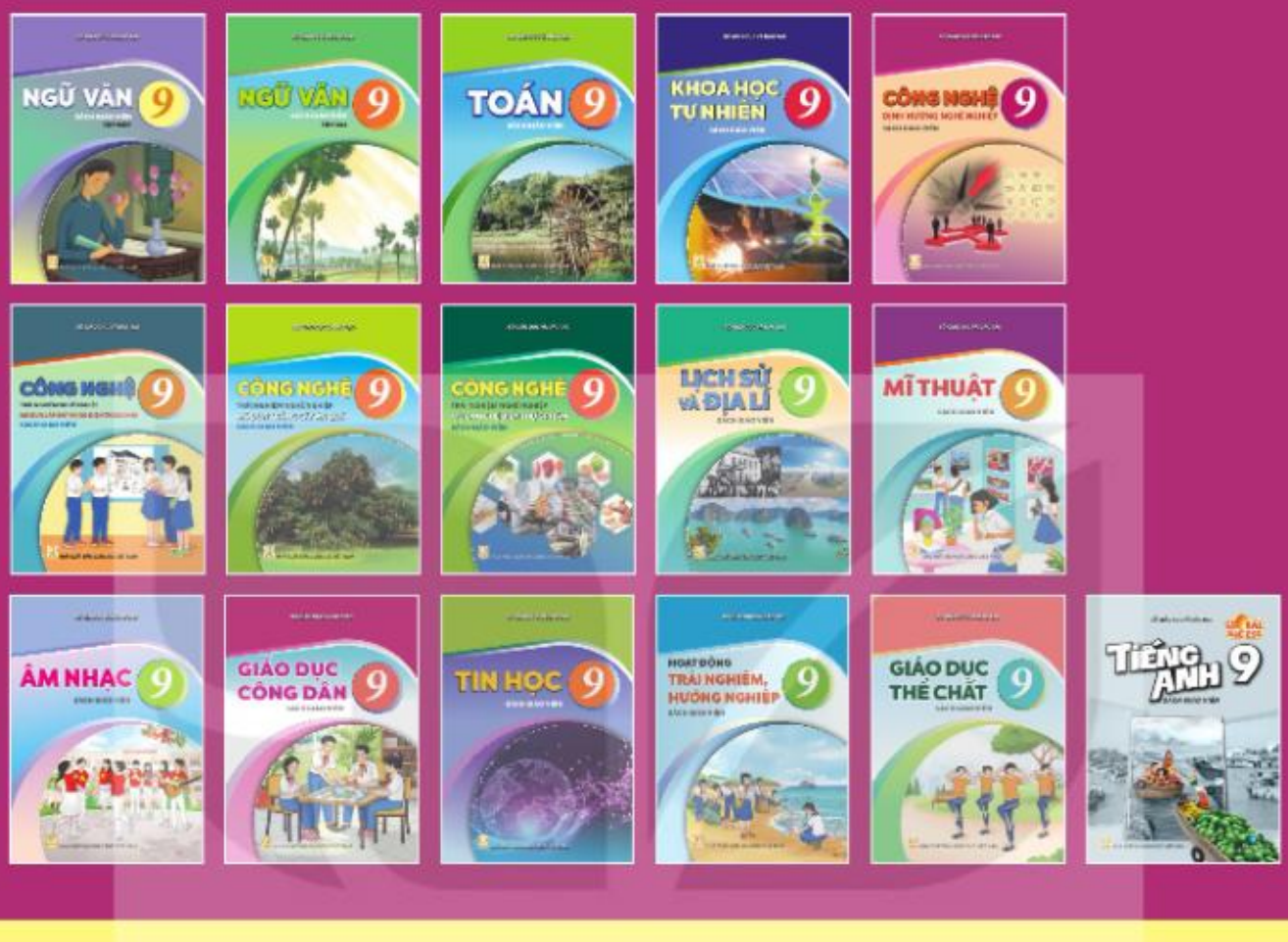
CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại .....
Số ĐKXB: ...../CXBIPH/...../GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm ...
Mã số ISBN: .....



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 9, tập một – SGV
2. Ngữ văn 9, tập hai – SGV
3. Toán 9 – SGV
4. Khoa học tự nhiên 9 – SGV
5. Công nghệ 9
   Định hướng nghề nghiệp – SGV
6. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà – SGV
7. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Trồng cây ăn quả – SGV
8. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Chế biến thực phẩm – SGV
9. Lịch sử và Địa lí 9 – SGV
10. Mĩ thuật 9 – SGV
11. Âm nhạc 9 – SGV
12. Giáo dục công dân 9 – SGV
13. Tin học 9 – SGV
14. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 – SGV
15. Giáo dục thể chất 9 – SGV
16. Tiếng Anh 9 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG